|  |  |
| --- | --- |
| **NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | *Hà Nội, ngày tháng 9 năm 2025* |

**BẢNG TỔNG HỢP Ý KIẾN, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý CỦA CÁC DOANH NGHIỆP THỰC HIỆN THÍ ĐIỂM, NGÂN HÀNG VÀ TỔ CHỨC LIÊN QUAN VỀ HỒ SƠ DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH VỀ**

**DỊCH VỤ TIỀN DI ĐỘNG**

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đã tổ chức lấy ý kiến các bộ, cơ quan liên quan đối với hồ sơ dự thảo Nghị định quy định về dịch vụ Tiền di động thực hiện đăng tải hồ sơ dự thảo Nghị định lên trang thông tin điện tử của NHNN.

1. Đến ngày 31/8/2025, NHNN nhận được ý kiến của các doanh nghiệp thực hiện thí điểm, 22 tổ chức (bao gồm: ngân hàng thương mại và tổ chức liên quan).

2. Kết quả cụ thể như sau:

| **STT** | **Hồ sơ dự thảo Nghị định quy định về dịch vụ tiền di động (dự thảo lấy ý kiến)** | **Nội dung tham gia ý kiến** | **Đơn vị ý kiến** | **Ý kiến giải trình, tiếp thu** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | Điều 1. Phạm vi điều chỉnh |  |  |  |
| Nghị định này quy định về việc doanh nghiệp viễn thông cung ứng cho khách hàng một tài khoản chuyên biệt gắn với số thuê bao di động để nạp tiền vào, rút tiền ra khỏi tài khoản này và thực hiện giao dịch thanh toán (sau đây gọi là dịch vụ Tiền di động). | Điều 9 của dự thảo Nghị định có quy định về việc sử dụng tài khoản Tiền di động để chuyển tiền, tuy nhiên phạm vi điều chỉnh như quy định tại Điều 1 lại không bao hàm hoạt động chuyển tiền. Đề xuất: bổ sung định nghĩa giao dịch thanh toán có bao gồm giao dịch chuyển tiền, tương tự như định nghĩa tại Khoản 7 Điều 3 của Nghị định số 52/2024/NĐ-CP: “7. Giao dịch thanh toán không dùng tiền mặt (sau đây gọi là giao dịch thanh toán) là việc sử dụng dịch vụ thanh toán để thực hiện trả tiền hoặc chuyển tiền của tổ chức, cá nhân.” | Mobifone | Tiếp thu. NHNN nghiên cứu, chỉnh sửa tại dự thảo Nghị định |
| “Nghị định này quy định về việc Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động cung ứng cho khách hàng một tài khoản Tiền di động để chuyển tiền, nhận tiền, nạp tiền vào, rút tiền ra khỏi tài khoản này và thực hiện giao dịch thanh toán”.  Lí do:   * Sửa đổi để phù hợp với đối tượng áp dụng của Nghị định tại khoản 1 Điều 2 Dự thảo Nghị định là “Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động” * Bổ sung phạm vi chuyển tiền, nhận tiền đối với dịch vụ Tiền di động để đảm bảo tính kế thừa phạm vi sử dụng của tài khoản Mobie-Money theo quy định tại Quyết định 316/QĐ-TTg và phù hợp với phạm vi đang cung cấp dịch vụ tại các doanh nghiệp thí điểm.   - Đồng bộ hóa thuật ngữ “Tiền di động” do Điều 3 dự thảo Nghị định đã có các quy định tương ứng. | VNPT-Media | Tiếp thu NHNN nghiên cứu chỉnh sửa tại dự thảo Nghị định |
| Đề xuất sửa đổi, lược bỏ như sau:  Nghị định này quy định về việc Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động cung ứng cho khách hàng một tài khoản chuyên biệt gắn với số thuê bao di động để chuyển tiền, nhận tiền, nạp tiền vào, rút tiền ra khỏi tài khoản này và thực hiện giao dịch thanh toán.  Lí do: - Sửa đổi để phù hợp với đối tượng áp dụng của Nghị định tại khoản 1 Điều 2 Dự thảo Nghị định là “Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động”, doanh nghiệp viễn thông là đối tượng xin cấp giấy phép, liên quan đến điều kiện cần đáp ứng (tương tự tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán). Nếu sử dụng thuật ngữ này tại Điều 1 Dự thảo Nghị định, sẽ không có sự liên kết về đối tượng, chủ thể với các quy định giải thích từ ngữ tại Điều 3 Dự thảo Nghị định.  - Lược bỏ “sau đây gọi là dịch vụ Tiền di động” do đã có giải thích tại Khoản 2 Điều 3 Dự thảo Nghị định.  - Bổ sung nghiệp vụ chuyển tiền, nhận tiền do nghiệp vụ này có trong phạm vi sử dụng của tài khoản Tiền di động tại Điều 9 Dự thảo Nghị định. | Viettel | Tiếp thu một phần và chỉnh sửa tại dự thảo Nghị định |
| Nghị định này quy định về việc tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền đi động cung ứng cho khách hàng một tài khoản chuyên biệt gắn với số thuê bao di động để nạp tiền vào, rút tiền ra khỏi tài khoản này và thực hiện giao dịch thanh toán (sau đây gọi là dịch vụ Tiền di động).  Đề xuất điều chỉnh để thống nhất đối tượng áp dụng là Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động trong toàn văn Dự thảo Nghị định. Đồng thời, đề xuất bỏ phần chú thích trong ngoặc () do đã có quy định tại Khoản 2 Điều 2 về dịch vụ Tiền di động. | Napas | Tiếp thu |
|  | Đề nghị sửa Điều 1 Dự thảo thành: *"Nghị định này quy định về việc cung ứng dịch vụ Tiền di động.*” Lý do:  Quy định tại Điều 1 về việc "doanh nghiệp viễn thông" cung ứng dịch vụ cho khách hàng là chưa đúng với quy định tại Điều 15 về điều kiện cung ứng dịch vụ Tiền di động, theo đó tổ chức không phải là ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động thì được phép thực hiện hoạt động này. - Khoản 2 Điều 3 Dự thảo đã có định nghĩa về dịch vụ tiền di động. | TPBank | Tiếp thu, NHNN nghiên cứu chỉnh sửa phù hợp |
| **2** | Điều 2. Đối tượng áp dụng |  |  |  |
|  | 1. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động.  2. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động.  3. Cá nhân sử dụng dịch vụ Tiền di động (sau đây gọi là khách hàng). | Đề xuất sửa đổi như sau:  Điều 2. Đối tượng áp dụng  3. Tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ Tiền di động (sau đây gọi là khách hàng).  Lí do: - Bổ sung thêm đối tượng “Tổ chức” sử dụng dịch vụ Tiền di động tương tự như tổ chức sử dụng dịch vụ ví điện tử tại Thông tư 40/2024/TT-NHNN hướng dẫn hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, tổ chức sử dụng tài khoản thanh toán (Thông tư 40/2024/TT-NHNN), thẻ ngân hàng tại Thông tư 17/2024/TT-NHNN quy định việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán và Thông tư 18/2024/TT-NHNN quy định về hoạt động thẻ ngân hàng.  - Ngoài ra, căn cứ Khoản 31 Điều 3[[1]](#footnote-1) Luật Viễn thông 2023, Nghị định 163/2024/NĐ-CP hướng dẫn Luật Viễn thông, Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ viễn thông được cung ứng dịch vụ cho cả đối tượng là tổ chức, cá nhân (người sử dụng dịch vụ viễn thông).  Do đó, đề xuất mở rộng đối tượng sử dụng dịch vụ Tiền di động bao gồm cả tổ chức. | Viettel | Tiếp thu |
| **4** | Điều 3. Giải thích từ ngữ |  |  |  |
|  | Trong Nghị định, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:  1. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động là tổ chức không phải là ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động.  2. Dịch vụ Tiền di động là dịch vụ do tổ chức cung ứng dịch vụ Mobile Money cung ứng cho khách hàng một tài khoản chuyên biệt gắn với số thuê bao di động để nạp tiền vào, rút tiền ra khỏi tài khoản này và thực hiện giao dịch thanh toán. Việc cung ứng dịch vụ Tiền di động thông qua tài khoản Tiền di động.  3. Tài khoản Tiền di động là một tài khoản chuyên biệt gắn với số thuê bao di động do doanh nghiệp viễn thông cung ứng cho khách hàng để sử dụng dịch vụ Tiền di động.  4. Đơn vị chấp nhận thanh toán (viết tắt là ĐVCNTT) quy định tại Nghị định này là tổ chức, cá nhân cung cấp hàng hóa, dịch vụ chấp nhận thanh toán hàng hóa, dịch vụ thông qua dịch vụ Tiền di động theo hợp đồng hoặc thỏa thuận bằng văn bản ký kết với tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động hoặc thông qua các ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  5. Điểm kinh doanh là điểm cung ứng dịch vụ do chính tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động trực tiếp sở hữu, thiết lập (có địa chỉ xác định hoặc lưu động) hoặc điểm cung ứng dịch vụ có địa chỉ xác định do doanh nghiệp khác thiết lập, được tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động ký hợp đồng ủy quyền.  6. Ngân hàng hợp tác là ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có ký hợp đồng hoặc thỏa thuận với tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động về việc hợp tác cung ứng dịch vụ.  7. Tài khoản đảm bảo thanh toán là tài khoản thanh toán bằng đồng Việt Nam của tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động mở tại ngân hàng hợp tác để đảm bảo cho việc cung ứng dịch vụ Tiền di động.  8. Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động là Giấy phép do Ngân hàng Nhà nước cấp cho tổ chức không phải là ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Văn bản của Ngân hàng Nhà nước về sửa đổi, bổ sung Giấy phép là một bộ phận không tách rời của Giấy phép. | Đề nghị làm rõ hơn với trường hợp khách hàng có nhiều hơn một số thuê bao di động thì sẽ được đăng ký và sử dụng dịch vụ tiền di động như thế nào. Trường hợp được mở nhiều hơn 1 tài khoản Tiền di động thì hạn mức giao dịch của tài khoản Tiền di động được tính trên một khách hàng hay một tài khoản sử dụng dịch vụ. | NH Việt Á | NHNN bổ sung quy định (mỗi khách hàng chỉ được mở 01 tài khoản tại tổ chức cung ứng dịch vụ). |
| “Dịch vụ Tiền di động là dịch vụ do tổ chức cung ứng dịch vụ ~~Mobile Money~~ cung ứng cho khách hàng một tài khoản Tiền di động để chuyển tiền, nhận tiền, nạp tiền vào, rút tiền ra khỏi tài khoản này và thực hiện giao dịch thanh toán. Việc cung ứng dịch vụ Tiền di động thông qua tài khoản Tiền di động”.   * Lí do: * Sửa đổi để thống nhất sử dụng thuật ngữ “Tiền di động” trong toàn dự thảo thay cho “Mobile Money. * Đồng bộ tên gọi “tài khoản Tiền di động” tại khoản 2 này do khoản 3 Điều 3 đã có quy định cụ thể về tài khoản Tiền di động.   Bổ sung nội dung “*chuyển tiền, nhận tiền”* để đảm bảo tính kế thừa phạm vi sử dụng của tài khoản Tiền di động | VNPT-Media | Tiếp thu một phần và chỉnh sửa phù hợp |
| Đề xuất sửa đổi như sau:  2. Dịch vụ Tiền di động là dịch vụ do tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động cung ứng cho khách hàng một tài khoản chuyên biệt gắn với số thuê bao di động để chuyển tiền, nhận tiền, nạp tiền vào, rút tiền ra khỏi tài khoản này và thực hiện giao dịch thanh toán. Việc cung ứng dịch vụ Tiền di động thông qua tài khoản Tiền di động.  3. Tài khoản Tiền di động là một tài khoản chuyên biệt gắn với số thuê bao di động do doanh nghiệp viễn thông cung ứng cho khách hàng để sử dụng dịch vụ Tiền di động. Tiền di động là phương tiện thanh toán do Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động phát hành cho Khách hàng.  Lí do: - Sửa đổi để thống nhất sử dụng thuật ngữ “Tiền di động” trong toàn dự thảo thay cho “Mobile - Money”.  - Bổ sung nghiệp vụ chuyển tiền, nhận tiền do nghiệp vụ này có trong phạm vi sử dụng của tài khoản Tiền di động tại Điều 9 Dự thảo Nghị định.  - Bổ sung quy định tài khoản Tiền di động là phương tiện thanh toán để đảm bảo quy định tương tự dịch vụ Ví điện tử là một phương tiện thanh toán tại khoản 10 Điều 3 Nghị định 52/2024/NĐ-CP quy định về thanh toán không dùng tiền mặt. [[2]](#footnote-2) | Viettel, VNPT-Media | Tiếp thu một phần và đã chỉnh sửa phù hợp trên cơ sở cuộc họp Tổ soạn thảo:  Dịch vụ Mobile-Money không được xem là phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt (phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt đã được định nghĩa tại Nghị định số 52/2024/NĐ-CP) |
| Đề xuất sửa đổi như sau:  4. Đơn vị chấp nhận thanh toán (viết tắt là ĐVCNTT) quy định tại Nghị định này là tổ chức, cá nhân cung cấp hàng hóa, dịch vụ chấp nhận thanh toán hàng hóa, dịch vụ thông qua dịch vụ Tiền di động theo hợp đồng hoặc thỏa thuận bằng văn bản ký kết với tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động hoặc thông qua các ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoặc thông qua các tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động khác.  Lí do: - Sửa đổi để phù hợp, thống nhất với quy định tại khoản 4 Điều 26 Dự thảo Nghị định về các “tổ chức khác”, theo đó, các tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động được hợp tác với các tổ chức khác như tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán để phát triển ĐVCNTT. Khách hàng có tài khoản Tiền di động có thể thanh toán tại các Đơn vị chấp nhận thanh toán do các tổ chức này đã thiết lập theo quy định pháp luật, nhằm tận dụng hạ tầng, mạng lưới ĐVCNTT, giảm chi phí phát triển.  - Sửa đổi để tương tự như quy định về quyền của Tổ chức TGTT tại khoản 4 Điều 34 Thông tư 40/2024/TT-NHNN[[3]](#footnote-3) về việc lựa chọn ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, các tổ chức khác làm đối tác để ký kết hợp đồng hoặc thỏa thuận cung ứng, phát triển dịch vụ. | Viettel, VNPT-Media | Tiếp thu |
| Đề xuất sửa đổi như sau: Điều 3. Giải thích từ ngữ 5. Điểm kinh doanh là điểm cung ứng dịch vụ do chính tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động trực tiếp sở hữu, thiết lập (có địa chỉ xác định hoặc lưu động) hoặc điểm cung ứng dịch vụ có địa chỉ xác định do đại lý dịch vụ viễn thông khác thiết lập, được tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động ký hợp đồng ủy quyền.  Lí do: - Sửa đổi để mở rộng đối tượng được làm điểm kinh doanh do tại các khu vực nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo thì tỷ lệ doanh nghiệp (gồm Công ty TNHH, Cổ phần, Hợp danh, doanh nghiệp tư nhân) rất thấp, có thể không đáp ứng được quy định về tỷ lệ trên 70% số lượng điểm kinh doanh ở khu vực nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo tại điểm b khoản 3 Điều 4 Dự thảo Nghị định.  - Đề xuất cho phép các tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động được lựa chọn các điểm giao dịch đủ điều kiện là Đại lý dịch vụ viễn thông theo quy định về Đại lý dịch vụ viễn thông tại khoản 30 Điều 3 Luật Viễn thông 2023[[4]](#footnote-4) để ký hợp đồng ủy quyền làm điểm kinh doanh. | Viettel, VNPT-Media | Không tiếp thu: Nội dung này được thảo luận tại cuộc họp Tổ soạn thảo và thống nhất giữ nguyên quy định tại dự thảo |
| Đề nghị sửa Khoản 2 Điều 3 Dự thảo thành như sau: *“2. Dịch vụ Tiền di động là dịch vụ do tổ chức cung ứng* ***dịch vụ ~~Mobile Money~~ Tiền di động*** *cung ứng cho khách hàng một tài khoản chuyên biệt gắn với số thuê bao di động để nạp tiền vào, rút tiền ra khỏi tài khoản này và thực hiện giao dịch thanh toán. Việc cung ứng dịch vụ Tiền di động thông qua tài khoản Tiền di động.”* | TPBank | Tiếp thu |
| Khoản 7 Điều 3 dự thảo: ACB kiến nghị Dự thảo làm rõ một tổ chức dịch vụ Tiền di động có được cùng lúc mở nhiều tài khoản đảm bảo thanh toán tại một hoặc nhiều ngân hàng hợp tác hay không? Hay bắt buộc mở 1 tài khoản đảm bảo thanh toán duy nhất tại 1 ngân hàng hợp tác? | ACB | Các tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động có thể mở một hoặc nhiều tài khoản đảm bảo thanh toán tại một ngân hàng để đảm bảo cho việc cung ứng dịch vụ |
| Khoản 6 Điều 3 dự thảo:  Đề xuất quy định cụ thể những nội dung cơ bản hoặc tối thiểu của hợp đồng/thỏa thuận.  Lí do: Việc quy định các nội dung tối thiểu của hợp đồng/thỏa thuận sẽ làm cơ sở cho các ngân hàng xây dựng và thiết lập hợp đồng/thỏa thuận. | Sacombank | Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc hợp tác, NHNN không quy định cụ thể về nội dung thỏa thuận tại Hợp đồng. Thỏa thuận tại hợp đồng được xây dựng trên cơ sở quyền và trách nhiệm các bên và tuân thủ quy định có liên quan |
| - Dự thảo Nghị định đã tiếp thu kiến nghị, đề xuất của các doanh nghiệp viễn thông, cho phép phát triển mạng lưới đơn vị chấp nhận thanh toán (ĐVCNTT) thông qua các ngân hàng thương mại (NHTM), chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Tuy nhiên vẫn chưa cho phép phát triển mạng lưới ĐVCNTT thông qua các các tổ chức trung gian thanh toán khác. Theo đánh giá của MobiFone, các NHTM không có thế mạnh, tập trung cho việc phát triển các ĐVCNTT so với các đơn vị trung gian thanh toán, đặc biệt là các ĐVCNTT trực tuyến.  Đề xuất: Bổ sung thêm quy định cho phép phát triển mạng lưới ĐVCNTT thông qua các đơn vị chấp nhận thanh toán khác.  - Tại Khoản 4, điều 4 đã cho phép doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Tiền di động được phép phát triển mạng lưới ĐVCNTT thông qua các ngân hàng thương mại (NHTM), chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Tuy nhiên tại Khoản 4, Điều 27 lại quy định doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Tiền di động phải có hợp đồng hoặc thỏa thuận bằng văn bản với ĐVCNTT. Đề xuất: Đề nghị điều chỉnh, sửa đối để đảm bảo tính phù hợp giữa các quy định. | Mobifone | Tiếp thu một phần và đã chỉnh sửa tại dự thảo Nghị định theo hướng tổ chức cung ứng dịch vụ được phát triển ĐVCNTT thông qua ĐVCNTT của ngân hàng, tổ chức TGTT khác. |
| 2. Đề xuất điều chỉnh: Dịch vụ Tiền di động là dịch vụ do tổ chức cung ứng dịch vụ ***Tiền di động*** cung ứng cho khách hàng một tài khoản chuyên biệt gắn với số thuê bao di động để nạp tiền vào, rút tiền ra khỏi tài khoản này và thực hiện giao dịch ***chuyển tiền***, thanh toán theo quy định. Việc cung ứng dịch vụ Tiền di động thông qua tài khoản Tiền di động.  Đề xuất điều chỉnh để thống nhất tên gọi dịch vụ trong toàn văn Dự thảo Nghị định. Đồng thời đề xuất bổ sung giao dịch chuyển tiền do Khoản 2 Điều 9 Dự thảo có đề cập việc khách hàng sử dụng tiền di động để **chuyển tiền** (chuyển đến tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ nội địa, chuyển đến tài khoản tiền di động và ví điện tử của chủ tài khoản tiền di động).  4. Để xuất điều chỉnh:  ĐVCNTT: cả nhân, tổ chức cung cấp hàng hóa, dịch vụ chấp nhận thanh toán hàng hóa dịch vụ thông qua Tiền di động theo hợp đồng hoặc thỏa thuận bằng văn bản ký kết với tổ chức cung ứng dịch vụ tiền di động hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán  Đề xuất sửa để đồng nhất với định nghĩa ĐVCNTT theo Thông tư 15/2024/TT-NHNN, đồng thời mở rộng việc phát triển mạng lưới  ĐVCNTT thông qua các ngân hàng, tổ chức trung gian thanh toán. Tại khoản 8 Điều 3 Thông tư 15/2024/TT-NHNN quy định:  Đơn vị chấp nhận thanh toán (ĐVCNTT): là tổ chức, cá nhân cung cấp hàng hóa, dịch vụ chấp nhận thanh toán hàng hóa, dịch vụ bằng phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt theo hợp đồng hoặc thỏa thuận bằng văn bản ký kết với tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán. | Napas | Tiếp thu và chỉnh sửa phù hợp |
| Điều 3  - Giải thích từ ngữ: 1. Đề nghị làm rõ "tài khoản Tiền di động" giống và khác gì "tài khoản viễn thông". 2. Cân nhắc bổ sung thêm định nghĩa cụm từ " thuê bao di động mặt đất, thông tin thuê bao di động mặt đất" | Agribank | 1. Tài khoản Tiền di động được định nghĩa rõ tại dự thảo Nghị định  2. Đã được quy định tại luật viễn thông |
|  |  | Đề xuất NHNN bổ sung định nghĩa dịch vụ Mobile Money. | VCB | NHNN chỉnh sửa phù hợp do lỗi soạn thảo |
|  |  | Khoản 5 Điều 3: Đề xuất NHNN làm rõ nội dung:  1. Điểm kinh doanh lưu động thì có cần cấp Giấy chứng nhận địa điểm kinh doanh theo quy định của Luật doanh nghiệp hay không?  2. Làm rõ loại hợp đồng: ký hợp đồng dịch vụ theo ủy quyền hợp pháp của tổ chức hay hợp đồng ủy quyền? | VCB | Tiếp thu, NHNN phối hợp với Bộ KHCN làm rõ nội dung này. |
| **5** | Điều 4. Phạm vi cung ứng dịch vụ1. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động chỉ được phép cung ứng dịch vụ Tiền di động để nạp tiền vào tài khoản Tiền di động, rút tiền ra khỏi tài khoản Tiền di động và thực hiện giao dịch thanh toán cho các hàng hóa, dịch vụ hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam, bao gồm cả trường hợp thanh toán cho hàng hóa, dịch vụ nước ngoài.2. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động được cung ứng dịch vụ Tiền di động cho khách hàng để thực hiện giao dịch thanh toán cho hàng hóa, dịch vụ nước ngoài; việc thực hiện thanh toán, quyết toán các giao dịch thanh toán cho hàng hoá, dịch vụ nước ngoài phải được thực hiện thông qua ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận hoạt động ngoại hối trên thị trường quốc tế.3. Nguyên tắc lựa chọn điểm kinh doanha) Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động phải xây dựng các tiêu chí cụ thể đánh giá năng lực (tài chính, cơ sở vật chất, nhân sự) của các điểm kinh doanh, làm cơ sở cho việc xác định hạn mức giao dịch ngày, hạn mức giao dịch tháng của từng điểm kinh doanh. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động phải có hợp đồng ủy quyền với các điểm kinh doanh; có cơ chế kiểm soát và chịu trách nhiệm toàn diện đối với mọi hoạt động và rủi ro phát sinh tại các điểm kinh doanh.b) Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động được phép lựa chọn điểm kinh doanh trên phạm vi toàn quốc. Số lượng điểm kinh doanh ở khu vực nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo phải đảm bảo chiếm trên 70% so với tổng số lượng điểm kinh doanh của tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động. | - Khoản 2 Điều 4 Dự thảo quy định *“ Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động được cung ứng dịch vụ Tiền di động cho khách hàng để thực hiện giao dịch thanh toán cho hàng hóa, dịch vụ nước ngoài; việc thực hiện thanh toán, quyết toán các giao dịch thanh toán cho hàng hoá, dịch vụ nước ngoài phải được thực hiện thông qua ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận hoạt động ngoại hối trên thị trường quốc tế”*  - Khoản 1 Điều 14 Dự thảo quy định *“Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động phải có hợp đồng hoặc thỏa thuận với ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận hoạt động ngoại hối trên thị trường quốc tế) về việc thực hiện thanh toán, quyết toán các giao dịch thanh toán cho hàng hóa, dịch vụ nước ngoài”*  Quy định trên chỉ quy định ở góc độ nguyên tắc liên quan đến thanh toán hàng hóa, dịch vụ nước ngoài thì Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động phải thực hiện thông qua Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Tuy nhiên, nội dung này được bổ sung mới so với Quyết định 316 (giai đoạn thí điểm) nên Dự thảo cần hướng dẫn chi tiết hơn về nội dung này để các Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có cơ sở thực hiện, cụ thể theo một trong hai cách hiểu dưới đây:  Tổ chức cung ứng dịch vụ tiền di động được thực hiện các giao dịch thanh toán, vậy, việc hợp tác/ thông qua Ngân hàng thương mại để thực hiện các giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ nước ngoài thì được hiểu rằng Ngân hàng sẽ cung cấp dịch vụ thanh toán quốc tế trên cơ sở hồ sơ, tài liệu do Tổ chức cung ứng dịch vụ tiền di động cung cấp. Tuy nhiên, nếu với cách thực hiện này thì vai trò của Tổ chức cung ứng tiền di động sẽ là đơn vị thực hiện dịch vụ hỗ trợ chi hộ hoặc đại diện theo ủy quyền để thực hiện giao dịch.  Hoặc  Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động được cung ứng dịch vụ Tiền di động cho khách hàng để thực hiện giao dịch thanh toán cho hàng hóa, dịch vụ nước ngoài thông qua việc hợp tác với Ngân hàng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài để kết nối API, sử dụng hạ tầng thanh toán quốc tế để Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động chủ động thực hiện giao dịch thanh toán này. Việc kiểm soát hồ sơ sẽ do Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động chịu trách nhiệm thực hiện, Ngân hàng sẽ thực hiện ở góc độ cung cấp hệ thống để thực hiện  Với cách hiểu nêu trên, kính đề nghị cơ quan soạn thảo có quy định chi tiết hơn về việc Tổ chức cung ứng dịch vụ tiền di động hợp tác với Ngân hàng. | ABBank | NHNN chỉ quy định về nguyên tắc, các đơn vị thỏa thuận trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan. |
| Đề xuất sửa đổi như sau:  1.Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động chỉ được phép cung ứng dịch vụ Tiền di động để chuyển tiền, nhận tiền, nạp tiền vào tài khoản Tiền di động, rút tiền ra khỏi tài khoản Tiền di động và thực hiện giao dịch thanh toán cho các hàng hóa, dịch vụ hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam, bao gồm cả trường hợp thanh toán cho hàng hóa, dịch vụ nước ngoài.  Lí do: Đề xuất bổ sung nghiệp vụ chuyển tiền, nhận tiền do nghiệp vụ này có trong phạm vi sử dụng của tài khoản Tiền di động.  Đề xuất sửa đổi như sau: Điều 4. Phạm vi cung ứng dịch vụ 3. Nguyên tắc lựa chọn điểm kinh doanh  a) Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động phải xây dựng các tiêu chí cụ thể đánh giá năng lực (tài chính, cơ sở vật chất, nhân sự) của các điểm kinh doanh, làm cơ sở cho việc xác định hạn mức giao dịch ngày, hạn mức giao dịch tháng của từng điểm kinh doanh. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động phải có hợp đồng ủy quyền với các điểm kinh doanh là đại lý dịch vụ viễn thông; có cơ chế kiểm soát và chịu trách nhiệm toàn diện đối với mọi hoạt động và rủi ro phát sinh tại các điểm kinh doanh.  Lí do: Sửa đổi đề phù hợp với quy định về hợp đồng ủy quyền với đại lý dịch vụ viễn thông đề xuất tại khoản 5 Điều 3 Dự thảo Nghị định, không phải ký hợp đồng với từng điểm kinh doanh. | Viettel, VNPT-Media | Tiếp thu và đã chỉnh sửa phù hợp  Đối với các nội dung về điểm kinh doanh, trên cơ sở thống nhất tại cuộc họp Tổ soạn thảo, các Bộ thống nhất bảo lưu theo quy định tại dự thảo Nghị định |
| Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động chỉ được phép cung ứng dịch vụ Tiền di động để chuyển tiền, nhận tiền, nạp tiền vào tài khoản Tiền di động, rút tiền ra khỏi tài khoản Tiền di động và thực hiện giao dịch thanh toán cho các hàng hóa, dịch vụ hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam, bao gồm cả trường hợp thanh toán cho hàng hóa, dịch vụ nước ngoài.   * Lí do: Điểm 1 khoản III Điều 1 Quyết định 316/QĐ-TTg quy dịnh: “*Doanh nghiệp thực hiện thí điểm cung ứng dịch vụ Mobile-Money để sử dụng cho các nghiệp vụ sau:*   *[…]*  *d) Chuyển tiền giữa các tài khoản Mobile-Money của khách hàng trong cùng hệ thống của doanh nghiệp thực hiện thí điểm,* ***giữa tài khoản Mobile-Money của khách hàng với tài khoản thanh toán tại ngân hàng****,* ***giữa tài khoản Mobile-Money với Ví điện tử do chính Doanh nghiệp thực hiện thí điểm cung ứng***”.   * Điểm 2.1 khoản 2 mục II dự thảo Báo cáo tổng kết thực hiện thí điểm dịch vụ Mobile-Money theo Quyết định 316/TTg nêu: “*Căn cứ báo cáo và thực tế triển khai của 3 doanh nghiệp thực hiện thí điểm, các doanh nghiệp thực hiện thí điểm đã nỗ lực phát triển dịch vụ và đạt được một số kết quả khả quan,* ***đảm bảo an toàn,*** *góp phần vào việc phát triển hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt, tăng cường việc tiếp cận và sử dụng các dịch vụ tài chính, đặc biệt tại khu vực nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo của Việt Nam”.* * Như vậy, việc dự thảo Nghị định giới hạn phạm vi sử dụng của Tiền di động, không cho phép chuyển tiền *giữa tài khoản Mobie-Money của khách hàng với tài khoản thanh toán tại ngân hàng, giữa tài khoản Mobile-Money với Ví điện tử do chính Doanh nghiệp thực hiện thí điểm cung ứng* sẽ giới hạn việc phát triển Tiền di động trong tương lai, trong khi việc cung ứng nghiệp vụ này trong giai đoạn thí điểm đã được đánh giá là an toàn. Mặt khác, điều này cũng sẽ gây khó khăn cho khách hàng đang sử dụng dịch vụ Mobile-Money khi bị giới hạn phạm vi sử dụng cũng như doanh nghiệp đang thí điểm trong việc chuyển đổi từ cung ứng dịch vụ thí điểm sang cung ứng dịch vụ chính thức. | VNPT-Media | Tiếp thu và chỉnh sửa phù hợp |
| Đề xuất NHNN xem xét làm rõ:  1. Cơ chế phối hợp thanh toán qua ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài như thế nào giữa 3 bên (doanh nghiệp viễn thông, khách hàng, ngân hàng thương mại).  2. Thiết kế khoản 3 vào điều khoản phù hợp hơn cho phù hợp với tên Điều 4. | VCB | NHNN chỉ quy định về nguyên tắc, việc triển khai thực hiện dưa trên thỏa thuận và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan |
| **6** | Điều 5. Đồng tiền sử dụng trong giao dịch3. Việc quy đổi từ ngoại tệ ra đồng Việt Nam (hoặc từ đồng Việt Nam ra ngoại tệ), tỷ giá giữa đồng Việt Nam và ngoại tệ theo tỷ giá do các bên thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật. | Đề xuất NHNN xem xét làm rõ các bên thỏa thuận ở đây bao gồm các bên nào? Trường hợp chỉ thỏa thuận giữa khách hàng với tổ chức viễn thông thì ngân hàng có cần phải kiểm tra lại tuân thủ quy định pháp luật về ngoại hối hay không | VBC | Không tiếp thu, các bên liên quan bao gồm các bên tham gia vào quy trình thanh toán dịch vụ Tiền di động |
| **7** | Điều 6. Các hành vi bị cấm  1. Cung ứng hoặc sử dụng tài khoản Tiền di động để thực hiện các nghiệp vụ khác ngoài các nghiệp vụ đã được quy định tại Điều 9 Nghị định này.  2. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động cấp tín dụng cho khách hàng trên tài khoản Tiền di động, trả lãi trên số dư tài khoản Tiền di động hoặc bất kỳ hành động nào có thể làm tăng giá trị tiền tệ trên tài khoản Tiền di động so với giá trị tiền được nạp vào tài khoản Tiền di động của khách hàng.  3. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động thực hiện hoạt động ngân hàng (cho vay, huy động vốn).  4. Cung ứng hoặc sử dụng tài khoản Tiền di động để thực hiện các giao dịch cho mục đích rửa tiền, tài trợ khủng bố, lừa đảo, gian lận và các hành vi vi phạm pháp luật khác.  5. Thuê, cho thuê, mượn, cho mượn, trao đổi, tặng, cho hoặc mua, bán tài khoản Tiền di động, thông tin tài khoản Tiền di động.  6. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động sử dụng nguồn tiền từ tài khoản Tiền di động của khách hàng cho các mục đích khác của tổ chức cung ứng dịch vụ.  7. Thực hiện, tổ chức thực hiện hoặc tạo điều kiện thực hiện các hành vi: sử dụng, lợi dụng tài khoản Tiền di động để đánh bạc, tổ chức đánh bạc, gian lận, lừa đảo, kinh doanh trái pháp luật và thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật khác.  8. Ủy thác, giao đại lý cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện hoạt động được phép theo Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động.  9. Gian lận, giả mạo các giấy tờ chứng minh đủ điều kiện để được cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.  10. Hoạt động không đúng nội dung quy định trong Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động. | Quy định tại Khoản 4 và Khoản 7 có nội dung tương đồng, trùng lặp nhau | Mobifone | Tiếp thu và chỉnh sửa phù hợp |
| Đề xuất NHNN xem xét nội dung: Hoạt động cho vay tại khoản 3 là một trong các hình thức cấp tín dụng tại khoản 2. | VCB | Tiếp thu và chỉnh sửa phù hợp |
| Đề nghị quy định bổ sung tại Khoản 8 nêu bên để làm rõ hình thức “Uỷ thác” trong trường hợp cung ứng dịch vụ Tiền di động.  Lí do: - Căn cứ Khoản 11 Điều 3 Luật Thương mại 2005 quy định: “*Các hoạt động trung gian thương mại là hoạt động của thương nhân để thực hiện các giao dịch thương mại cho một hoặc một số thương nhân được xác định, bao gồm hoạt động đại diện cho thương nhân, môi giới thương mại, uỷ thác mua bán hàng hoá và đại lý thương mại”*  Trong đó, tại Mục 4 Chương 5 của Luật Thương mại 2005 có quy định về hình thức đại lý nhằm mục đích cung ứng dịch vụ (Điều 166). Tuy nhiên, tại Mục 3 Chương 5 chỉ quy định về hình thức Uỷ thác mua bán hàng hoá (Điều 155) mà không có hình thức Uỷ thác cung ứng dịch vụ (Hiện nay mới chỉ có hình thức Uỷ thác xuất nhập khẩu quy định tại Luật Quản lý ngoại thương 2017)  Vì vậy, chưa có cơ sở pháp lý rõ ràng để xác định trường hợp nào Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động đã thực hiện hành vi bị cấm là: uỷ thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện hoạt động được phép theo Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động. | Bắc Á | Tiếp thu, NHNN chỉnh sửa phù hợp |
| **8** | Điều 7. Đối tượng khách hàng sử dụng tài khoản Tiền di động |  |  |  |
| Khách hàng sử dụng dịch vụ Tiền di động là cá nhân sử dụng số thuê bao di động mặt đất đã đăng ký thông tin thuê bao di động mặt đất với tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động. | Theo Điều 3.3.Dự thảo, Tài khoản Tiền di động là một tài khoản chuyên biệt gắn với số thuê bao di động do doanh nghiệp viễn thông cung ứng cho khách hàng để sử dụng dịch vụ Tiền di động.  Do đó, ACB kiến nghị cần quy định rõ đối tượng sử dịch vụ tiền di động phải là cá nhân sử dụng số thuê bao di động còn hiệu lực/thời hạn sử dụng.  Ngoài ra, ACB đề xuất Dự thảo cần làm rõ thêm:  Đối tượng sử dụng dịch vụ tài khoản tiền di động có mở rộng đến đối tượng khách hàng là tổ chức hay không? (Do tổ chức cũng được đăng ký sử dụng thuê bao di động mặt đất).  Trình tự, thủ tục, hồ sơ khách hàng khi đề nghị mở Tài khoản tiền di động. | ACB | Tiếp thu và đề nghị Bộ KHCN nghiên cứu, chỉnh sửa phù hợp  Đối tượng khách hàng áp dụng với khách hàng cá nhân, không áp dụng đối với khách hàng tổ chức |
| Đề xuất bổ sung điều kiện *“có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.”* Ngoài ra, trường hợp khách hàng là người bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật Việt Nam sử dụng khoản Tiền di động thông qua người đại diện theo pháp luật; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi sử dụng khoản Tiền di động thông qua người giám hộ.  Lí do: Phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 22, khoản 1 Điều 23 và khoản 2 Điều 24 BLDS 2015. | Sacombank | Tiếp thu và đề nghị Bộ KHCN nghiên cứu, chỉnh sửa phù hợp |
| Đề xuất sửa đổi như sau:  Khách hàng sử dụng dịch vụ Tiền di động là cá nhân, tổ chức sử dụng số thuê bao di động mặt đất đã đăng ký thông tin thuê bao di động mặt đất với tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động.  Lí do: - Bổ sung thêm đối tượng “Tổ chức” sử dụng dịch vụ Tiền di động tương tự như tổ chức sử dụng dịch vụ ví điện tử tại Thông tư 40/2024/TT-NHNN hướng dẫn hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, tổ chức sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ngân hàng tại Thông tư 17/2024/TT-NHNN quy định việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán và Thông tư 18/2024/TT-NHNN quy định về hoạt động thẻ ngân hàng.  - Ngoài ra, căn cứ Khoản 31 Điều 3 Luật Viễn thông 2023, Nghị định 163/2024/NĐ-CP hướng dẫn Luật Viễn thông, Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ viễn thông được cung ứng dịch vụ cho cả đối tượng là tổ chức, cá nhân (người sử dụng dịch vụ viễn thông).  Do đó, đề xuất mở rộng đối tượng sử dụng dịch vụ Tiền di động bao gồm cả tổ chức. | Viettel | Không tiếp thu  Trên cơ sở thống nhất tại cuộc họp Tổ soạn thảo, đối tượng khách hàng sử dụng dịch vụ là cá nhân |
| Đề xuất bổ sung thêm vào Điều 7 Dự thảo Nghị định để giữ nguyên quy định kế thừa từ Quyết định số 316/QĐ-TTg v/v phê duyệt triển khai thí điểm dùng tài khoản viễn thông thanh toán cho các hàng hoá, dịch vụ có giá trị nhỏ (“QĐ 316”).  Tại khoản 2.II Điều 1 QĐ 316 có quy định: “*Mỗi khách hàng chỉ được mở 01 tài khoản Mobile – Money tại mỗi Doanh nghiệp thực hiện thí điểm*”  Lí do: Căn cứ Bảng so sánh Thuyết minh, Dự thảo cho phép (bằng cách không quy định giới hạn) một khách hàng có thể mở nhiều tài khoản Tiền di động tại một Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động.  Căn cứ mục tiêu và mục đích của việc cung ứng dịch vụ Tiền di động (theo QĐ 316, và bộ Hồ sơ dự thảo Nghị định) là hướng đến các giao dịch nhỏ, chú trọng tại địa bàn nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa. Vì vậy, đối tượng sử dụng dịch vụ sẽ chủ yếu là người dân ít có kinh nghiệm, hiểu biết về hệ thống công nghệ thông tin/tài chính điện tử, là nhóm đối tượng dễ bị kẻ xấu lợi dụng để chiếm đoạt thông tin, tài khoản.  Mặc dù hiện nay đã có các quy định về đăng ký/đối soát thông tin thuê bao di động mặt đất để đảm bảo tính “chính chủ”. Tuy nhiên, tình trạng cá nhân bị kẻ xấu chiếm dụng thông tin cá nhân (căn cước công dân, giấy tờ, …) để đăng ký thuê bao vẫn có phát sinh trên thực tế.  Vì vậy, việc vẫn kế thừa và duy trì giới hạn mỗi khách hàng chỉ được mở một tài khoản Tiền di động tại mỗi Tổ chức cung ứng dịch vụ sẽ đảm bảo hạn chế việc kể xấu lợi dụng mở nhiều tài khoản Tiền di động để thực hiện các giao dịch trái pháp luật. Đồng thời, việc quản lý và truy vết giao dịch, người thực sự sử dụng tài khoản Tiền di động sẽ dễ dàng hơn, phục vụ công tác thu thập thông tin, thanh/kiểm tra, điều tra của cơ quan nhà nước. | Bắc Á | Tiếp thu |
| **9** | Điều 8. Việc mở tài khoản Tiền di động |  |  |  |
| Việc mở tài khoản Tiền di động được thực hiện theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ. | Điều 8- Việc mở tài khoản Tiền di động: đề nghị bổ sung thêm cụm từ “...Bộ Khoa học và Công nghệ theo từng thời kỳ" | NH NN & PTNT | Bộ KHCN nghiên cứu tiếp thu |
| Đề xuất sửa đổi, bổ sung như sau:  Bổ sung quy định chi tiết tại chính Nghị định này về mở tài khoản Tiền di động tương tự như quy định về mở ví điện tử tại Thông tư 40/2024/TT-NHNN, gồm: Hồ sơ mở tài khoản Tiền di động, Thỏa thuận mở và sử dụng tài khoản Tiền di động, Thông tin về khách hàng mở tài khoản Tiền di động, Trình tự, thủ tục mở tài khoản Tiền di động, Mở tài khoản Tiền di động bằng phương tiện điện tử, Xác thực thông tin khách hàng mở tài khoản Tiền di động.  Lí do: - Bổ sung quy định về mở tài khoản Tiền di động tương tự quy định về mở Ví điện tử tại Thông tư 40/2024/TT-NHNN, đảm bảo các quy định về xác thực, định danh khách hàng được chặt chẽ hơn.  - Ngoài ra việc quy định chi tiết về việc mở tài khoản Tiền di động ngay tại Nghị định này sẽ kịp thời hướng dẫn, chi tiết về việc mở, định danh, xác thực khách hàng đăng ký sử dụng dịch vụ Tiền di động, giúp cho các tổ chức cung ứng dịch vụ sớm được cung cấp dịch vụ chính thức đến thị trường, không cần chờ thông tư hướng dẫn. | Viettel, VNPT-Media | Tiếp thu  Bộ KHCN xây dựng chi tiết nội dung này |
| Đề xuất NHNN xem xét bổ sung quy định về việc yêu cầu so khớp thông tin, sinh trắc học của chủ tài khoản với cơ sở dữ liệu căn cước/cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trước khi mở tài khoản tiền di động tương tự như đang áp dụng với việc mở Ví điện tử tại các tổ chức cung ứng dịch vụ Ví điện tử. | VCB | Tiếp thu |
| **10** | Điều 9. Sử dụng tài khoản Tiền di động1. Việc nạp tiền vào tài khoản Tiền di động được thực hiện thông qua:a) Nạp tiền mặt vào tài khoản Tiền di động tại các điểm kinh doanh;b) Nhận tiền từ tài khoản thanh toán (của chủ tài khoản Tiền di động), thẻ ghi nợ nội địa (của chủ tài khoản Tiền di động) mở tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ;c) Nhận tiền từ Ví điện tử (của chủ tài khoản Tiền di động) tại chính tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động;d) Nhận tiền từ tài khoản Tiền di động.2. Chủ tài khoản Tiền di động được sử dụng tài khoản Tiền di động để:a) Rút tiền mặt từ tài khoản Tiền di động tại các điểm kinh doanh;b) Rút tiền ra khỏi tài khoản Tiền di động về Ví điện tử (của chủ tài khoản Tiền di động) tại chính tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động;c) Chuyển tiền đến tài khoản thanh toán (của chủ tài khoản Tiền di động), thẻ ghi nợ nội địa (của chủ tài khoản Tiền di động) mở tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;d) Chuyển tiền đến tài khoản Tiền di động;đ) Chuyển tiền đến Ví điện tử (của chủ tài khoản Tiền di động) tại chính tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động; e) Thanh toán cho hàng hóa, dịch vụ; nộp phí, lệ phí cho các dịch vụ công hợp pháp theo quy định của pháp luật.  3. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động thực hiện hoàn trả tiền cho khách hàng trong các trường hợp:  a) Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động chấm dứt cung ứng dịch vụ cho khách hàng;  b) Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động chấm dứt hoạt động, bị thu hồi Giấy phép, giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật;  c) Chi trả thừa kế theo quy định của pháp luật khi chủ tài khoản Tiền di động là cá nhân chết hoặc bị tuyên bố là đã chết;  d) Theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;  đ) Các trường hợp đóng tài khoản Tiền di động và xử lý số dư còn lại khi đóng tài khoản Tiền di động theo thỏa thuận bằng văn bản giữa chủ tài khoản Tiền di động và tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động. | Điểm d Khoản 1 Điều 9 quy định việc nạp tiền vào tài khoản Tiền di động được thực hiện thông qua Nhận tiền từ tài khoản Tiền di động. Đối với hình thức này, NH Việt Á đề nghị sửa đổi nội dung thành "Nhận tiền từ tài khoản Tiền di động khác" để làm rõ hơn hình thức nạp tiền vào tài khoản Tiền di động. | NH Việt Á | Tiếp thu và chỉnh sửa phù hợp |
| 1. Tại bảng thuyết minh dự thảo Nghị định có nêu: “Điều 9: Sử dụng tài khoản Tiền di động” kế thừa quy định 316 và mở rộng hơn một số nội dung cho phép dịch vụ Mobile Money được thực hiện các nghiệp vụ ***tương tự dịch vụ Ví điện tử hiện nay*** nhằm đảm bảo tính cạnh tranh của các tổ chức tham gia thị trường thanh toán. Tuy nhiên quy định tại Điều 9 dự thảo Nghị định không cho phép nạp tiền/chuyển tiền đến tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ nội địa của người khác (không phải chủ tài khoản Tiền di động). Đây là các nghiệp vụ mà hiện tại tài khoản Ví điện tử được phép thực hiện. Đề xuất: Bổ sung quy định cho phép tài khoản Tiền di động được phép nạp tiền/chuyển tiền/rút tiền đến tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ nội địa của người khác (không phải chủ tài khoản Tiền di động).  2. Đề nghị làm rõ các quy định về xác thực giao dịch loại A, B, C, D như hướng dẫn tại Thông tư 50/2024/TT-NHNN có áp dụng với các giao dịch Mobile-Money hay không | Mobifone | Tiếp thu và chỉnh sửa trên cơ sở thống nhất tại cuộc họp Tổ soạn thảo |
| Đề nghị làm rõ cơ chế thực hiện giao dịch tiền mặt (nạp, rút tiền mặt vào/ra tài khoản Tiền đi động) phát sinh tại các điểm kinh doanh (bao gồm cả diểm kinh doanh của doanh nghiệp khác được tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động ủy quyền) vì tiền nạp/rút có liên quan đến tài khoản đảm bảo thanh toán của tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động mở tại ngân hàng hợp tác. | TPBank | Các tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động chủ động cơ chế về dòng tiền để đảm bảo tuân thủ các quy định có liên quan |
|  |  |  |
| Điểm b, đ khoản 2 Điều 9 dự thảo:  Đề nghị điều chỉnh để làm rõ nội dung giữa điểm (b) và điểm (đ).  Lí do: Hệ quả pháp lý của 2 hành động “rút” và “chuyển” này đều là tiền về ví điện tử của chính chủ tài khoản Tiền di động tại tổ chức cung ứng dịch vụ. Do vậy, cách sử dụng từ ngữ tuy có sự khác nhau nhưng bản chất vấn đề là giống nhau, đều cùng chuyển về ví điện tử của khách hàng.  Điểm d khoản 2 Điều 9 dự thảo:  Đề nghị làm rõ nội dung này là (i) chuyển trong cùng một hệ thống của tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động hay (ii) chuyển ngoài hệ thống của tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động khác?  Lí do: Thống nhất cách hiểu để áp dụng cho phù hợp. | Sacombank | Tiếp thu và chỉnh sửa phù hợp  Đã có quy định về thời gian tại quy trình xử lý tra soát, khiếu nại |
| Đề nghị bổ sung thành như sau:  “*3. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động thực hiện hoàn trả tiền cho khách hàng trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu hoặc ngày phát sinh sự kiện, trong các trường hợp sau:*  [...]”  Lí do: Đề nghị bổ sung quy định thời hạn hoàn trả nhằm đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ hoàn trả tiền cho khách hàng của Tổ chức cung ứng dịch vụ, tránh tình trạng chiếm dụng vốn của khách hàng. | Bắc Á |
| Khoản 1 Điều 9:  “Việc nạp tiền vào tài khoản Tiền di động được thực hiện thông qua:   1. Nạp tiền mặt vào tài khoản Tiền di động tại các điểm kinh doanh của chính tổ chức cung ứng dịch vụ; 2. Nạp tiền mặt vào tài khoản Tiền di động tại các điểm kinh doanh của tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động khác; 3. Nộp tiền mặt vào tài khoản đảm bảo thanh toán của tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động (cho dịch vụ Tiền di động) mở tại ngân hàng hợp tác; 4. Nhận tiền từ tài khoản thanh toán ~~(của chủ tài khoản Tiền di động),~~ thẻ ghi nợ nội địa ~~(của chủ tài khoản Tiền di động)~~ mở tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; 5. Nhận tiền từ Ví điện tử ~~(của chủ tài khoản Tiền di động)~~ tại chính tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động; 6. Nhận tiền từ Ví điện tử của tổ chức cung ứng dịch vụ ví điện tử khác   Nhận tiền từ tài khoản Tiền di động”.  Lí do: - Đề xuất sửa đổi điểm d, e để Mở rộng hơn một số nghiệp vụ liên quan đến việc nạp tiền vào tài khoản Tiền di động, đảm bảo tính kế thừa quy định tại Quyết định 316/QĐ-TTg cũng như đảm bảo tính cạnh tranh của các tổ chức trong quá trình cung ứng dịch vụ cho khách hàng.  - Đối tượng khách hàng sử dụng tài khoản Tiền di động chiếm đến 70% khách hàng cá nhân tại các khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo, là những khu vực có điều kiện địa lý không thuận lợi để tiếp cận những dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt. Do vậy, các đề xuất như trên sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng để tiếp cận, sử dụng dịch vụ cũng như gia tăng nhu cầu thực hiện các giao dịch được phép trên tài khoản này. | VNPT | Tiếp thu  NHNN đã tiếp thu và chỉnh sửa phù hợp |
| Khoản 2 Điều 9:  Chủ tài khoản Tiền di động được sử dụng tài khoản Tiền di động để:  a) Rút tiền mặt từ tài khoản Tiền di động tại các điểm kinh doanh;  b) Rút tiền ra khỏi tài khoản Tiền di động về Ví điện tử (của chủ tài khoản Tiền di động) tại chính tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động;  c) Chuyển tiền đến tài khoản thanh toán ~~(của chủ tài khoản Tiền di động),~~ thẻ ghi nợ nội địa ~~(của chủ tài khoản Tiền di động)~~ mở tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;  d) Chuyển tiền đến tài khoản Tiền di động;  đ) Chuyển tiền đến Ví điện tử khác ~~(của chủ tài khoản Tiền di động)~~ tại chính tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động;  e) Chuyển tiền đến Ví điện tử của tổ chức cung ứng dịch vụ ví điện tử khác  f) Thanh toán cho hàng hóa, dịch vụ; nộp phí, lệ phí cho các dịch vụ công hợp pháp theo quy định của pháp luật.  Lí do:  Đề xuất sửa đổi điểm c, điểm đ để chủ tài khoản có thể chuyển tiền đến tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ nội địa mở tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; đến ví điện tử khác tại chính tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động để đảm bảo tính kế thừa quy định tại Quyết định 316/QĐ-TTg)   * Bổ sung điểm e để tăng quyền lợi của khách hàng khi sử dụng tài khoản Tiền di động theo hướng cho phép khách hàng được chuyển tiền đến ví điện tử của tổ chức cung ứng dịch vụ Ví điện tử khác. | VNPT |
| Điều 9- Sử dụng tài khoản Tiền di động, tại điểm d, khoản 1, đề nghị bổ sung thêm cụm từ "nhận tiền từ tài khoản Tiền di động khác". | NH NN & PTNT |
| Đề xuất sửa đổi như sau: Điều 9. Sử dụng tài khoản Tiền di động1. Việc nạp tiền vào tài khoản Tiền di động được thực hiện thông qua:a) Nạp tiền mặt vào tài khoản Tiền di động tại các điểm kinh doanh của chính tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động hoặc tại các điểm kinh doanh của tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động khác;b) Nộp tiền mặt vào tài khoản đảm bảo thanh toán của tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động mở tại ngân hàng hợp tác;c) Nhận tiền từ tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, thẻ trả trước định danh mở tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;d) Nhận tiền từ Ví điện tử mở tại Tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán; đ) Nhận tiền từ tài khoản Tiền di động khác trong cùng hệ thống (do một tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động mở);  e) Nhận tiền từ tài khoản Tiền di động khác ngoài hệ thống (do tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động khác mở).  2. Chủ tài khoản Tiền di động được sử dụng tài khoản Tiền di động để:  a) Rút tiền mặt từ tài khoản Tiền di động tại các điểm kinh doanh của chính tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động hoặc tại các điểm kinh doanh của tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động khác;  b) Rút tiền ra khỏi tài khoản Tiền di động về Ví điện tử (của chủ tài khoản Tiền di động) tại chính tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động;  c) Chuyển tiền đến tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, thẻ trả trước định danh mở tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài*;*  d) Chuyển tiền đến tài khoản Tiền di động khác trong cùng hệ thống (do một tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động mở);  đ) Chuyển tiền đến tài khoản Tiền di động khác ngoài hệ thống (do tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động khác mở);  e) Chuyển tiền đến Ví điện tử mở tại Tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán*;*  g) Thanh toán cho hàng hóa, dịch vụ; nộp phí, lệ phí cho các dịch vụ công hợp pháp theo quy định của pháp luật.  h) Kết nối với tài khoản giao thông để thanh toán điện tử giao thông đường bộ theo quy định về thanh toán điện tử giao thông đường bộ.  Lí do: - Mở rộng hơn một số nghiệp vụ liên quan đến việc nạp tiền vào tài khoản Tiền di động, phạm vi sử dụng tài khoản Tiền di động tương tự dịch vụ Ví điện tử hiện nay để đảm bảo tính cạnh tranh của các tổ chức trong quá trình cung ứng dịch vụ cho khách hàng.  - Thẻ trả trước định danh do ngân hàng phát hành có quy trình đăng ký và mở thẻ chặt chẽ và tương tự tài khoản thanh toán, Ví điện tử; các nghiệp vụ của Thẻ trả trước định danh cũng không quá khác biệt với tài khoản thanh toán: được phép nạp, chuyển tiền, thanh toán… Do vậy, đề xuất mở rộng cho phép nhận và chuyển tiền giữa tài khoản Tiền di động và Thẻ trả trước định danh do ngân hàng phát hành để tạo thuận lợi cho khách hàng khi sử dụng dịch vụ.  - Thanh toán điện tử giao thông đường bộ là nhu cầu thiết yếu phục vụ cuộc sống của người dân. Đề xuất bổ sung nghiệp vụ cho phép chủ tài khoản Tiền di động được*“*Kết nối với tài khoản giao thông để thanh toán điện tử giao thông đường bộ theo quy định về thanh toán điện tử giao thông đường bộ” nhằm tạo thuận lợi cho chủ phương tiện khi tham gia, thanh toán điện tử giao thông đường bộ.  Đối với các giao dịch thanh toán thường xuyên, định kỳ (như thanh toán điện, nước, viễn thông, phí giao thông…) thì Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động và Khách hàng được thỏa thuận về việc áp dụng các biện pháp xác thực giao dịch để tạo thuận lợi cho khách hàng trong quá trình sử dụng dịch vụ. | Viettel |
|  |  | Đề nghị bổ sung khái niệm chủ tài khoản Tiền di động |  | Tiếp thu |
|  |  | Đề xuất bổ sung thêm khoản 4, khoản 5, khoản 6 vào Điều 9 như sau:  4. Việc xác thực giao dịch trong quá trình Khách hàng sử dụng tài khoản Tiền di động thực hiện theo thỏa thuận giữa Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động với khách hàng, đảm bảo an toàn, bảo mật.  5. Đối với các giao dịch mà Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động chủ động trích Nợ tài khoản Tiền di động theo thỏa thuận với khách hàng thì không phải áp dụng xác thực giao dịch.  6. Đối với các giao dịch thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, nộp tiền vào ngân sách nhà nước, không bắt buộc phải thực hiện các biện pháp xác thực giao dịch. | Visa | Tiếp thu một phần và bổ sung phù hợp |
| Bổ sung quy định cho phép người dùng được nạp tiền và chuyển tiền giữa tài khoản Tiền di động với Ví điện tử của chính mình mở tại các tổ chức cung ứng dịch vụ khác nhau. | DIGILIFE | Tiếp thu và chỉnh sửa tại dự thảo |
| **11** | Điều 10. Hạn mức giao dịch tài khoản Tiền di động |  |  |  |
|  | 1. Tổng hạn mức giao dịch qua các tài khoản Tiền di động của 01 khách hàng tại 01 tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động (bao gồm giao dịch rút tiền, chuyển tiền và thanh toán theo quy định tại Điều 9 Nghị định này tối đa là 100 (một trăm) triệu đồng Việt Nam trong một tháng.  2. Quy định tại khoản 1 Điều này không áp dụng đối với các giao dịch thanh toán: Thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; điện; nước; viễn thông; các loại phí, giá, tiền dịch vụ liên quan đến hoạt động giao thông của phương tiện giao thông đường bộ; học phí; viện phí; đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, phí bảo hiểm theo quy định tại [Luật Kinh doanh bảo hiểm](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bao-hiem/Luat-Kinh-doanh-bao-hiem-2022-465916.aspx); chi trả các khoản nợ đến hạn, quá hạn, lãi và các chi phí phát sinh cho ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  3. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động phải quy định tổng hạn mức cho các giao dịch thanh toán quy định tại khoản 2 Điều này qua tài khoản Tiền di động của 01 (một) khách hàng không lớn hơn tổng hạn mức giao dịch qua tài khoản Tiền di động đã được tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động cấp cho khách hàng đó theo quy định tại khoản 1 Điều này.  4. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động có trách nhiệm kiểm tra, giám sát và đảm bảo việc sử dụng tài khoản Tiền di động của khách hàng là phù hợp với hạn mức đã được tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động cấp cho khách hàng đó. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trong trường hợp khách hàng sử dụng tài khoản Tiền di động không đúng hạn mức đã được tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động cấp cho khách hàng theo quy định tại Nghị định này.  5. Quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này không áp dụng đối với trường hợp khách hàng rút tiền từ tài khoản Tiền di động để thực hiện đóng vĩnh viễn tài khoản Tiền di động. | a) Đề nghị quy định rõ tại Dự thảo đối với các giao dịch thanh toán trực tuyến trên tài khoản tiền di động có áp dụng các quy định của Thông tư 50/2024/TT-NHNN quy định về an toàn, bảo mật cho việc cung cấp dịch vụ trực tuyến trong ngành ngân hàng hay không.  b) Theo Khoản 2 Điều 10 Dự thảo, Tiền di động được sử dụng để thanh toán chi trả các khoản nợ đến hạn, quá hạn, lãi và các chi phí phát sinh cho ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Vậy ngân hàng, chi chánh ngân hàng nước ngoài có được xác định là Đơn vị chấp nhận thanh toán của tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di đông không?  Nếu có thì ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (i) Có phải ký hợp đồng với tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động để chấp nhận thanh toán bằng tiền di động không? và (ii) Có phải mở Tài khoản thanh toán tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài để nhận tiền thanh toán theo diểm e Khoản 4 Điều 27 Dự thảo không? | TPBank | Tiếp thu và đã bổ sung phù hợp |
| Khoản 1, 2 Điều 10 dự thảo:  Đề nghị nêu rõ quy định liên quan hạn mức và việc kiểm soát hạn mức từng loại hình giao dịch.  Lí do: Nhằm hạn chế rủi ro, vì dự các khoản chi trả nợ vay (khoản 2) rất lớn. | Sacombank | NHNN chỉ quy định về tổng hạn mức để tổ chức cung ứng dịch vụ căn cứ tình hình thực tế để thực hiện phù hợp |
| Khoản 1 Điều 10:  Tổng hạn mức giao dịch qua các ví điện tử cá nhân của 01 khách hàng tại 01 tổ chức cung ứng dịch vụ tiền di động (bao gồm giao dịch chuyển tiền và thanh toán theo quy định tại điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm f khoản 2 Điều 9 Nghị định này) tối đa là 100 (một trăm) triệu đồng Việt Nam trong một tháng.  Lí do: Việc mở tài khoản Tiền di động theo đề xuất của đơn vị tại điều 8 là an toàn, đảm bảo quản trị rủi ro trong việc xác thực khách hàng (tương tự như với Ví điện tử). Mặt khác, việc khách hàng rút tiền của chính mình tại tài khoản Tiền di động về các phương tiện thanh toán hợp pháp khác của chính khách hàng được coi là một giao dịch an toàn, đáp ứng các yêu cầu cơ bản của khách hàng. Do đó, đơn vị đề xuất không tính các giao dịch rút tiền vào hạn mức giao dịch/tháng của tài khoản.  Khoản 5 điều 10:  Không quy định nội dung này.  Lí do: Không quy định nội dung này để phù hợp với đề xuất không tính hạn mức đối với giao dịch rút tiền đã nêu tại khoản 1 điều 10 | VNPT | Tiếp thu  NHNN chỉnh sửa trên cơ sở thống nhất tại cuộc họp Tổ soạn thảo |
| Đề xuất sửa đổi bổ sung như sau:  1. Tổng hạn mức giao dịch qua các tài khoản Tiền di động của 01 khách hàng cá nhân tại 01 tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động (bao gồm giao dịch chuyển tiền và thanh toán theo quy định tại Điều 9 Nghị định này tối đa là 100 (một trăm) triệu đồng Việt Nam trong một tháng.  2. Quy định tại khoản 1 Điều này không áp dụng đối với:  a) Các giao dịch thanh toán: Thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; điện; nước; viễn thông; các loại phí, giá, tiền dịch vụ liên quan đến hoạt động giao thông của phương tiện giao thông đường bộ; thanh toán điện tử giao thông đường bộ; học phí; viện phí; đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, phí bảo hiểm theo quy định tại Luật Kinh doanh bảo hiểm; chi trả các khoản nợ đến hạn, quá hạn, lãi và các chi phí phát sinh cho các *Tổ chức tín dụng.*  *b)* *Tài khoản Tiền di động cá nhân của người có ký hợp đồng hoặc thỏa thuận làm đơn vị chấp nhận thanh toán với tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động;*  Lí do:  - Lược bỏ quy định về hạn mức giao dịch áp dụng cho giao dịch rút tiền tại khoản 1 Điều 10 Dự thảo Nghị định này để tương tự như quy định về hạn mức giao dịch qua Ví điện tử tại khoản 1 Điều 26 Thông tư 40/2024/TT-NHNN[[5]](#footnote-5).  - Thay đổi đối tượng từ “ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài” thành “các Tổ chức tín dụng*”* tại khoản 2 Điều 10 Dự thảo Nghị đinhdo các tổ chức tín dụng (gồm ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, tổ chức tài chính vi mô và quỹ tín dụng nhân dân) đều được thực hiện hoạt động cho vay, trường hợp chỉ quy định đối tượng là các ngân hàng, CNNHNN sẽ giới hạn các đối tượng trên, vì vậy không nên phân biệt giữa các khoản phải trả cho Ngân hàng và các khoản phải trả cho tổ chức tín dụng khác, giúp mở rộng các kênh thanh toán cho khách hàng khi thực hiện nghĩa vụ với các Tổ chức tín dụng.  - Bổ sung quy định không áp dụng hạn mức tài khoản Tiền di động và cá nhân làm đơn vị chấp nhận thanh toán của tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động để tương tự như quy định về hạn mức giao dịch qua Ví điện tử đối với cá nhân ký hợp đồng/thỏa thuận trở thanh đơn vị chấp nhận thanh toán tại điểm a khoản 2 Điều 26 Thông tư 40/2024/TT-NHNN[[6]](#footnote-6). | Viettel |
| Đề xuất sửa đổi như sau:  5. Quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này không áp dụng đối với trường hợp khách hàng rút tiền từ tài khoản Tiền di động để thực hiện đóng tài khoản Tiền di động.  Lí do: Bỏ thuật ngữ “vĩnh viễn” để rõ ràng trong quá trình triển khai, cung cấp dịch vụ cho Khách hàng. | Viettel | Tiếp thu và chỉnh sửa phù hợp |
| Điều 10- Hạn mức giao dịch tài khoản Tiền di động, tại khoản 1, đề nghị cân nhắc hạn mức giao dịch tài khoản Tiền di động thấp hơn hạn mức giao dịch ví điện tử để đảm bảo an toàn và tránh rủi ro cho khách hàng do mục tiêu của Chính phủ trong triển khai dịch vụ Tiền di động hướng tới người dùng ở vùng sâu vùng xa, không có tài khoản ngân hàng. | NH NN & PTNT | Dịch vụ Tiền di động được xác thực định danh tương tự dịch vụ Ví điện tử để đảm bảo an ninh, an toàn trong cung ứng dịch vụ. |
|  |  | Đề xuất NHNN xem xét sửa đổi từ “các tài khoản” thành “tất cả các tài khoản cho rõ ràng. | VCB | NHNN đã chỉnh sửa rõ hơn theo hướng khách hàng chỉ mở 02 tài khoản Tiền di động tại 01 tổ chức cung ứng dịch vụ |
| **12** | Điều 11. Sử dụng tài khoản đảm bảo thanh toán cho tài khoản Tiền di động |  |  |  |
| 1. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động phải đảm bảo duy trì tổng số dư trên tất cả các tài khoản đảm bảo thanh toán mở tại các ngân hàng hợp tác không thấp hơn tổng số dư tất cả các tài khoản Tiền di động đã phát hành cho khách hàng tại cùng một thời điểm.  2. Tài khoản đảm bảo thanh toán cho dịch vụ Tiền di động phải được tách bạch, riêng biệt với các tài khoản thanh toán khác của tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động (tài khoản đảm bảo thanh toán cho dịch vụ Ví điện tử, hỗ trợ thu hộ, chi hộ, tài khoản thanh toán phí, tài khoản trả lương và các tài khoản phục vụ cho mục đích khác của tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động). | - Đề xuất sửa đổi tiêu đề Điều 11 thành: Sử dụng tài khoản đảm bảo thanh toán cho dịch vụ Tiền di động | Mobifone | Tiếp thu |
| Điều 11- Sử dụng tài khoản đảm bảo thanh toán cho tài khoản Tiền di động, đề nghị bổ sung quy định cụ thể về mục đích sử dụng của Tài khoản đảm bảo thanh toán cho dịch vụ Tiền di động. | NH NN & PTNT |  |
| Đề nghị làm rõ (i) khi tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động mở tài khoản đảm bảo thanh toán tại ngân hàng thì ngân hàng có phải trả lãi đối với số dư trên tài khoản đảm bảo thanh toán và (ii) quy định cụ thể tài khoản đảm bảo thanh toán được sử dụng trong những trường hợp nào.  Lí do: Thống nhất cách hiểu để áp dụng cho phù hợp. | Sacombank | (i) Thực hiện theo thỏa thuận các bên  (ii) Tiếp thu |
| ACB kiến nghị Dự thảo cần làm rõ thêm các trường hợp sử dụng, thu chi được phép trên tài khoản đảm bảo thanh toán tiền di động để làm cơ sở cho ngân hàng hợp tác (nơi mở tài khoản đảm bảo thanh toán) thực hiện nghĩa vụ kiểm soát thu chi trên tài khoản, từ chối giao dịch trên tài khoản nếu tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động không sử dụng tài khoản đảm bảo thanh toán đúng theo quy định (Điều 28.2.b Dự thảo). | ACB | Tiếp thu |
| Đề nghị bổ sung tại Dự thảo các quy định về cơ chế sử dụng tài khoản đảm bảo thanh toán, các mục đích thu – chi trên tài khoản đảm bảo thanh toán của tổ chức cung ứng dịch vụ tiền di động mở tại ngân hàng hợp tác. | TPBank |
| Đề xuất NHNN xem xét bổ sung quy định về việc tổ chức cung ứng dịch vụ tiền di động phải báo cáo NHNN về số dư trên tài khoản đảm bảo thanh toán dịch vụ tiền di động tại các ngân hàng thông qua các hệ thống báo cáo của NHNN. | VCB | NHNN thực hiện giám sát số dư TKĐBTT thông qua công cụ trực tuyến |
| **13** | Điều 12. Quy trình và thủ tục giải quyết yêu cầu tra soát, khiếu nại, tranh chấp |  |  |  |
|  | 1. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động quy định cụ thể thời hạn khách hàng sử dụng dịch vụ Tiền di động được quyền đề nghị tra soát, khiếu nại đối với tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động nhưng không ít hơn 60 ngày kể từ ngày phát sinh giao dịch yêu cầu tra soát.  2. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động có trách nhiệm xử lý đề nghị tra soát, khiếu nại của khách hàng sử dụng dịch vụ, đảm bảo tuân thủ tối thiểu các quy định sau:  a) Áp dụng tối thiểu hai hình thức tiếp nhận thông tin tra soát, khiếu nại qua tổng đài điện thoại (có ghi âm, hoạt động 24/24 giờ trong ngày và 7/7 ngày trong tuần) và qua các địa điểm giao dịch hợp pháp của tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động; đảm bảo xác thực những thông tin cơ bản mà khách hàng đã cung cấp cho tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động;  b) Ban hành mẫu đề nghị tra soát, khiếu nại (văn bản giấy và điện tử) để khách hàng sử dụng khi đề nghị tra soát, khiếu nại tại các địa điểm giao dịch của tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động hoặc trên kênh trực tuyến. Trường hợp tiếp nhận thông tin qua tổng đài điện thoại hoặc kênh trực tuyến, tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động yêu cầu khách hàng cung cấp các thông tin cần thiết để xác minh khách hàng, có biện pháp lưu trữ thông tin khách hàng cung cấp làm căn cứ để xử lý tra soát, khiếu nại. Trường hợp ủy quyền cho người khác đề nghị tra soát, khiếu nại, việc ủy quyền thực hiện theo quy định của pháp luật về ủy quyền;  c) Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động có trách nhiệm trả lời hoặc xử lý kịp thời các khiếu nại của khách hàng trong thời hạn theo thỏa thuận nhưng không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận được yêu cầu khiếu nại của khách hàng sử dụng dịch vụ theo quy định tại điểm a Khoản này;  Thực hiện ngay các biện pháp để tạm dừng cung ứng dịch vụ khi khách hàng đề nghị do nghi ngờ có gian lận hoặc tổn thất và chịu trách nhiệm với toàn bộ tổn thất tài chính của khách hàng phát sinh sau thời điểm khách hàng đề nghị tạm dừng cung ứng dịch vụ.  3. Xử lý kết quả tra soát, xử lý khiếu nại:  a) Trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày thông báo kết quả xử lý tra soát, xử lý khiếu nại cho khách hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động thực hiện bồi hoàn tổn thất cho khách hàng theo thỏa thuận và quy định của pháp luật hiện hành đối với những tổn thất phát sinh không do lỗi của khách hàng và/hoặc không thuộc các trường hợp bất khả kháng theo thỏa thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng dịch vụ;  b) Trong trường hợp hết thời hạn giải quyết tra soát, xử lý khiếu nại được quy định tại khoản 3 Điều này mà vẫn chưa xác định được nguyên nhân hay lỗi thuộc bên nào thì trong vòng 15 ngày làm việc tiếp theo, tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động thỏa thuận với khách hàng về phương án xử lý, nếu không thỏa thuận được phương án xử lý thì việc giải quyết tranh chấp được thực hiện theo quy định của pháp luật.  5. Trường hợp phát hiện vụ việc có dấu hiệu tội phạm, tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động thực hiện tố giác, báo tin cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự và báo cáo bằng văn bản cho Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ, Ngân hàng Nhà nước; đồng thời, thông báo bằng văn bản cho khách hàng về tình trạng xử lý đề nghị tra soát, khiếu nại. Trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông báo kết quả giải quyết không có yếu tố tội phạm, trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày có kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động thỏa thuận với khách hàng về phương án xử lý kết quả tra soát, xử lý khiếu nại.  6. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động phải có giải pháp để khách hàng có thể tra cứu trực tuyến được thông tin, tiến độ, kết quả xử lý tra soát, xử lý khiếu nại.  7. Phối hợp tra soát giữa các tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động:  Các tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động có trách nhiệm phối hợp để xử lý kịp thời các yêu cầu tra soát trong thanh toán trong vòng 04 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được yêu cầu tra soát bên nhận yêu cầu tra soát phải trả lời yêu cầu/kết quả tra soát cho bên yêu cầu tra soát hoặc thực hiện hoàn trả lại lệnh thanh toán có thông tin yêu cầu tra soát. | Theo quy định tại Thông tư 15/2024/TT-NHNN đã có quy định trách nhiệm của TCTD trong việc xây dựng Quy trình và thủ tục giải quyết yêu cầu tra soát, khiếu nại, tranh chấp đối với việc cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt.  Do vậy kiến nghị:  (i) Bỏ trách nhiệm của TCTD trong phối hợp với tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động xây dựng quy trình và thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng liên quan tới các giao dịch thanh toán thông qua dịch vụ Tiền di động.  (ii) Bổ sung quy định các nội dung tối thiểu của Hợp đồng hợp tác giữa Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động và TCTD, trong đó có điều khoản về cách thức phối hợp giữa Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động và TCTD trong việc xử lý các yêu cầu tra soát, khiếu nại của KH liên quan tới các giao dịch thanh toán thông qua dịch vụ Tiền di động. | NCB | Không tiếp thu  (i) Dịch vụ Tiền di động được triển khai trong đó có sự tham gia của ngân hàng. Theo đó, việc các TCTD cần có trách nhiệm phối hợp với tổ chức cung ứng dịch vụ xây dựng quy trình và thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng liên quan tới các giao dịch thanh toán thông qua dịch vụ Tiền di động là phù hợp. |
| **14** | Điều 14. Quản lý giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ nước ngoài |  |  |  |
|  | 1. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động phải có hợp đồng hoặc thỏa thuận với ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận hoạt động ngoại hối trên thị trường quốc tế) về việc thực hiện thanh toán, quyết toán các giao dịch thanh toán cho hàng hóa, dịch vụ nước ngoài.  2. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động phải có biện pháp giám sát để đảm bảo việc thực hiện giao dịch thanh toán cho hàng hóa, dịch vụ nước ngoài thông qua dịch vụ Tiền di động là hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam và tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối. | Theo quy định tại Thông tư 02/2021/TT-NHNN và Thông tư 20/2022/TT-NHNN và các quy định về ngoại hối liên quan, TCTD khi thực hiện hoạt động thanh toán hàng hóa, dịch vụ nước ngoài cần đảm bảo xác minh đúng mục đích giao dịch phù hợp và chịu trách nhiệm về xác minh này với NHNN. Tuy nhiên, tại dự thảo, quy định về việc thực hiện quản lý giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ nước ngoài chưa làm rõ được phạm vi trách nhiệm của các bên khi thực hiện giao dịch, việc quản lý chỉ dựa trên cơ sở hợp đồng hoặc thỏa thuận và việc tự ban hành các biện pháp giám sát của Tổ chức cung ứng Tiền di động sẽ gây nên rất nhiều rủi ro tiềm ẩn cho TCTD.  **Kiến nghị:**   * Bổ sung quy định làm rõ phạm vi trách nhiệm của Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động và TCTD khi thực hiện thanh toán các giao dịch thanh toán cho hàng hóa, dịch vụ nước ngoài.   - Với các giao dịch này, Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động có trách nhiệm kiểm tra, xác minh các tài liệu, dữ liệu chứng minh mục đích giao dịch ngoại tệ. | NCB | Nội dung này được thực hiện tương tự như giao dịch Ví điện tử. |
| Bản chất việc thực hiện thanh toán hàng hóa, dịch vụ nước ngoài phải phù hợp với quy định pháp luật về ngoại hối do ngân hàng được cấp phép hoạt động ngoại hối thực hiện. Do đó, đề xuất Dự thảo cần bổ sung quyền của các ngân hàng được phép:  - Yêu cầu tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động cung cấp thông tin liên quan đến giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ nước ngoài mà Khách hàng đang thực hiện.  - Từ chối thực hiện giao dịch nếu phát hiện hoặc nghi ngờ giao dịch thanh toán cho hàng hóa, dịch vụ nước ngoài có dấu hiệu bất thường, vi phạm quy định pháp luật ngoại hối, không có đầy đủ hồ sơ chứng từ chứng minh mục đích giao dịch hợp pháp. | ACB | Nội dung này có thể được thực hiện theo thỏa thuận của các bên |
| Đề nghị bổ sung làm rõ như sau:  “*2. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động phải có biện pháp giám sát và chịu trách nhiệm đảm bảo việc thực hiện giao dịch thanh toán cho hàng hóa, dịch vụ nước ngoài thông qua dịch vụ Tiền di động là hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam và tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối*” | Bắc Á | Nội dung hàm ý không thay đổi so với quy định tại dự thảo |
| **15** | Điều 15. Điều kiện cung ứng dịch vụ Tiền di động |  |  |  |
|  | Tổ chức không phải là ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động khi đáp ứng đầy đủ và phải đảm bảo duy trì đủ các điều kiện sau đây trong quá trình cung ứng dịch vụ, cụ thể như sau:  1. Có Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán Ví điện tử.  2. Có Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng di động mặt đất sử dụng băng tần số vô tuyến điện hoặc là công ty con/đơn vị trực thuộc được Công ty mẹ/công ty có Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng di động mặt đất sử dụng băng tần số vô tuyến điện cho phép sử dụng hạ tầng, mạng lưới, dữ liệu viễn thông.  3. Có Đề án cung ứng dịch vụ Tiền di động được cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ của tổ chức phê duyệt theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định này.  4. Điều kiện về nhân sự: Người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của tổ chức phải có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, công nghệ thông tin, tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, viễn thông hoặc 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, công nghệ thông tin, luật, viễn thông, và không thuộc những đối tượng bị cấm theo quy định của pháp luật; phải bảo đảm luôn có ít nhất một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam (Khi chỉ còn lại một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam thì người này khi xuất cảnh khỏi Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền).  Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) và các cán bộ chủ chốt thực hiện Đề án cung ứng dịch vụ Tiền di động (gồm Trưởng phòng (ban) hoặc tương đương và các cán bộ kỹ thuật) có bằng cao đẳng trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, công nghệ thông tin, tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, viễn thông hoặc lĩnh vực chuyên môn đảm nhiệm;  5. Có Bản thuyết minh giải pháp kỹ thuật về hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng các yêu cầu sau:  a) Có hệ thống đáp ứng yêu cầu đảm bảo an toàn hệ thống thông tin cấp độ 3 theo quy định của pháp luật hiện hành. Hạ tầng công nghệ thông tin và các giải pháp phục vụ cung ứng dịch vụ Tiền di động phải đảm bảo hoạt động liên tục, an toàn trong suốt quá trình cung ứng dịch vụ Tiền di động;  b) Phải có công cụ, giải pháp phù hợp xác định được chính xác địa chỉ giao thức Internet (Internet Protocol - IP), thuê bao sử dụng để có thể truy vết được đối tượng khách hàng thực sự sử dụng tài khoản Tiền di động;  c) Phải có hệ thống lưu trữ lịch sử giao dịch Tiền di động phát sinh (như: giao dịch nạp/rút, chuyển tiền và thanh toán hàng hóa, dịch vụ); hệ thống lưu trữ thông tin định danh khách hàng, thông tin định danh thiết bị, địa chỉ IP (trừ giao dịch USSD), địa chỉ kiểm soát truy cập phương tiện truyền thông - Media Access Control - MAC (trừ giao dịch USSD), Mã số nhận dạng thiết bị di động quốc tế (International Mobile Equipment Identity - IMEI), thời gian giao dịch, nội dung giao dịch, tài khoản gửi, tài khoản nhận, số dư, vị trí giao dịch,... từ khi khách hàng mở đến khi đóng tài khoản, trong đó có các thông tin truy vết người sử dụng dịch vụ (đối với các tài khoản Tiền di động đã đóng vẫn phải lưu trữ thông tin tối thiểu 02 (hai) năm); đồng thời phải có bản sao lưu các thông tin lưu trữ nhằm phục vụ cho công tác thanh tra, kiểm tra và cung cấp thông tin khi có yêu cầu từ cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. Thông tin địa chỉ IP, thời gian đăng nhập phải lưu giữ tối thiểu 02 (hai) năm. Đối với các tài liệu kế toán, tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động phải lưu trữ theo quy định của Luật Kế toán. | Đề nghị sửa Điều 1 Dự thảo thành: *"Nghị định này quy định về việc cung ứng dịch vụ Tiền di động.*” Lý do:  Quy định tại Điều 1 về việc "doanh nghiệp viễn thông" cung ứng dịch vụ cho khách hàng là chưa đúng với quy định tại Điều 15 về điều kiện cung ứng dịch vụ Tiền di động, theo đó tổ chức không phải là ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động thì được phép thực hiện hoạt động này. - Khoản 2 Điều 3 Dự thảo đã có định nghĩa về dịch vụ tiền di động. | TPBank | Tiếp thu |
| Điều 15- Điều kiện cung ứng dịch vụ Tiền di động, tại khoản 1 đề nghị điều chỉnh thành "Có giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán Tiền di động". | NH NN & PTNT |  |
| Đề xuất sửa đổi, lược bỏ nội dung này như sau: Điều 15. Điều kiện cung ứng dịch vụ Tiền di độngTổ chức không phải là ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động khi đáp ứng đầy đủ và phải đảm bảo duy trì đủ các điều kiện sau đây trong quá trình cung ứng dịch vụ, cụ thể như sau: 1. Có Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.  Lí do: Đề xuất sửa đổi quy định “Có giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán ví điện tử” thành “Có Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán” do:  Dịch vụ Ví điện tử và dịch vụ Tiền di động có quy định pháp luật và phạm vi cung cấp tương tự nhau. Việc duy trì cùng lúc hai hệ thống, nguồn lực,… cho 2 dịch vụ tương tự nhau phần nào gây khó khăn lớn cho các tổ chức cung ứng dịch vụ. Do vậy, đề xuất thay đổi điều kiện từ có giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán ví điện tử thành có Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, để cho các tổ chức được lựa chọn dịch vụ cung ứng, đảm bảo hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. | Viettel | Không tiếp thu  Đề nghị Bộ KHCN nghiên cứu, tiếp thu |
|  |  |
| Điểm c khoản 5 điều 15  Phải có hệ thống lưu trữ lịch sử giao dịch Tiền di động phát sinh (như: giao dịch nạp/rút, chuyển tiền và thanh toán hàng hóa, dịch vụ); hệ thống lưu trữ thông tin định danh khách hàng, thông tin định danh thiết bị, địa chỉ IP (trừ giao dịch USSD), địa chỉ kiểm soát truy cập phương tiện truyền thông - Media Access Control – MAC - nếu có (trừ giao dịch USSD), Mã số nhận dạng thiết bị di động quốc tế (International Mobile Equipment Identity - IMEI) nếu có.  Lí do: Sửa đổi, bổ sung nội dung như trên do việc có thể lấy và lưu trữ địa chỉ MAC, mã số nhận diện thiết bị IMEI hay không sẽ phụ thuộc chính sách cung cấp thông tin trên thiết bị của nhà sản xuất quy định trong từng thời kỳ. | VNPT |
|  |  | - Bỏ điều kiện bắt buộc phải có Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán Ví điện tử tại khoản 1 Điều 15.  - Sửa đổi quy định mở rộng đối tượng được cấp phép cung ứng dịch vụ Tiền di động cho các doanh nghiệp MVNO tại khoản 2 Điều 15.  - Cân nhắc mở rộng điều kiện tiếp cận dịch vụ cho các doanh viễn thông có hạ tầng mạng không sử dụng băng tần số vô tuyến điện | DIGITAL LIFE | Quy định này được kế thừa tại Quyết định 316 để đảm bảo an ninh, an toàn trong cung ứng dịch vụ |
| 16 | Điều 19. Sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động | Khoản 2 điều 19  Đơn vị đề xuất bổ sung quy định về đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sau bước thông báo bằng văn bản cho NHNN về việc chia tách, hợp nhất, sáp nhập.  Lí do: Trong trường hợp chia tách (tổ chức cung ứng dịch vụ tách ra thành một pháp nhân khác), hợp nhất, sáp nhập (tổ chức cung ứng dịch vụ được sáp nhập vào một tổ chức khác) thì sẽ không còn tồn tại pháp nhân là tổ chức cung ứng dịch vụ đã được NHNN cấp phép cung ứng dịch vụ, việc tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động gửi thông báo cho Ngân hàng Nhà nước bằng văn bản và tài liệu chứng minh các thông tin liên quan (nếu có) trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có các thay đổi nêu trên sẽ gây khó khăn cho doanh nghiệp được chia tách, hợp nhất, sáp nhập trong việc cung ứng dịch vụ (do không đứng tên trên giấy phép).  Do vậy, đơn vị kính đề nghị bổ sung quy định nêu bên để có căn cứ áp dụng, tuân thủ một cách cụ thể. | VNPT | Tiếp thu |
| **17** | Điều 21. Trách nhiệm phối hợp cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung và thu hồi Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động | Khoản 2 Điều 21 dự thảo:  Đề nghị bổ sung thêm nội dung quy định v/v NHNN và/hoặc Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động phải gửi Văn bản thông báo (Email, Văn thư) đến ngân hàng hợp tác liên quan việc cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung và thu hồi Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động.  Lí do: Đảm bảo công khai minh bạch trong quản lý, và các tổ chức liên quan cũng thuận tiện theo dõi, cập nhật. | Sacombank | Không tiếp thu  NHNN đã thực hiện công khai về việc cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung và thu hồi Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động trên Cổng thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước |
| **18** | Điều 22. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước trong công tác thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động | Điểm a (ii) khoản 1 Điều 22: Theo nguyên tắc tại Điều 29.1.a Dự thảo, ngân hàng thương mại chỉ được hợp tác với tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép.  Do đó, sau khi tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động được cấp Giấy phép thì ngân hàng và tổ chức mới bắt đầu ký kết, thỏa thuận quy trình thực hiện nghiệp vụ, quy trình quyết toán giao dịch giữa các bên.  Do đó, tại giai đoạn NHNN thẩm định hồ sơ để cấp phép thì ACB đề xuất Dự thảo quy định theo hướng (i) Nội dung NHNN thẩm định chỉ là các dự thảo quy trình dòng tiền từ lúc khởi tạo giao dịch đến lúc quyết toán nghĩa vụ giữa các bên liên quan (chưa phải bản ký kết cuối cùng) và/hoặc (ii) Các bên sẽ thông báo Quy trình tới NHNN sau khi tổ chức được cấp phép/NHNN sẽ xem xét, thẩm định sau khi cấp phép.  Ngoài ra, ACB kiến nghị làm rõ nội dung thẩm định quy trình dòng tiền này có bao gồm quy trình đối soát, thanh quyết toán giữa các bên hay không? | ACB | Không tiếp thu  Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động hoạt động trên cơ sở giấy phép được cấp, các nội dung trình bày tại Đề án là các quy trình (dự kiến) triển khai và được điều chỉnh phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành. |
| Tiết 3 khoản 1 Điều 22  (iii) Cơ chế đảm bảo khả năng thanh toán đối với dịch vụ Tiền di động: Việc mở tài khoản đảm bảo thanh toán cho việc cung ứng dịch vụ Tiền di động; Việc duy trì tổng số dư trên tất cả các tài khoản đảm bảo thanh toán cho dịch vụ Tiền di động; Mục đích sử dụng tài khoản đảm bảo thanh toán cho dịch vụ Tiền di động; Công cụ để Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Công an có thể truy cập hệ thống để khai thác thông tin, dữ liệu, giám sát theo thời gian thực trực tuyến tổng số dư của các tài khoản Tiền di động và số tiền trên các tài khoản đảm bảo thanh toán cho dịch vụ Tiền di động của tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động;  Lí do: Sửa lại để đồng bộ với yêu cầu giám sát đối với tổ chức cung ứng dịch vụ ví điện tử quy định tại thông tư 41/2024/TT-NHNN | VNPT | Tiếp thu và chỉnh sửa phù hợp |
| Đề xuất bỏ quy định về Công cụ giám sát theo thời gian thực và sửa đổi nội dung như sau*:*  (iii) Cơ chế đảm bảo khả năng thanh toán đối với dịch vụ Tiền di động: Việc mở tài khoản đảm bảo thanh toán cho việc cung ứng dịch vụ Tiền di động; Việc duy trì tổng số dư trên tất cả các tài khoản đảm bảo thanh toán cho dịch vụ Tiền di động; Mục đích sử dụng tài khoản đảm bảo thanh toán cho dịch vụ Tiền di động; Công cụ để Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Công an giám sát trực tuyến hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động. Công cụ giám sát trực tuyến do tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động tự xây dựng để báo cáo các thông tin về tổng số dư của các tài khoản Tiền di động và số tiền trên các tài khoản đảm bảo thanh toán cho dịch vụ Tiền di động theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.  Lí do: Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 17 Thông tư 41/2024/TT-NHNN, Tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán có trách nhiệm xây dựng công cụ giám sát trực tuyến để Ngân hàng Nhà nước giám sát hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, phục vụ việc báo cáo các thông tin về số dư và số tiền trên các tài khoản đảm bảo thanh toán ví điện tử, không có quy định giám sát theo thời gian thực. Đề nghị sửa đổi để quy định tương tự công cụ giám sát của Ví điện tử. | Viettel | Tiếp thu và chỉnh sửa phù hợp |
| **19** | Điều 23. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ trong công tác thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động | Tiết 1 điểm a khoản 1 điều 23  “(i) Giới thiệu chung về tổ chức đề nghị cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động: Định hướng cung ứng và triển khai cung ứng dịch vụ Tiền di động sau khi được cấp Giấy phép; ~~Việc thành lập một Đơn vị/bộ phận riêng để vận hành, triển khai việc cung ứng dịch vụ Tiền di động~~; Các nội dung liên quan khác (nếu có)”.  Lí do: Đề nghị không quy định nội dung này do đây không phải là một điều kiện để được cấp phép cung ứng dịch vụ. Ngoài ra việc yêu cầu tổ chức cung ứng dịch vụ phải thành lập một đơn vị bộ phận riêng để vận hành, triển khai cung ứng dịch vụ Tiền di động khiến các tổ chức gặp khó khăn trong triển khai cũng như tốn thêm chi phí để vận hành và tuân thủ. Trên thị trường, các tổ chức cung cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cũng là tổ chức được kinh doanh đa ngành nghề và không quy định điều kiện này. | VNPT | Tiếp thu và đã chỉnh sửa phù hợp |
| **20** | Điều 26. Quyền của tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động | Tại Điều 26 quy định về Quyền của tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động, đề nghị Quý xem xét và bổ sung thêm nội dung quy định về phạm vi sử dụng và hạn mức giao dịch của dịch vụ. | NH Việt Á | Không tiếp thu  Đã được quy định tại các điều khác |
|  |  | Khoản 4 điều 26  Lựa chọn ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và các tổ chức khác làm đối tác để ký kết hợp đồng hoặc thỏa thuận hợp tác cung ứng, phát triển Đơn vị chấp nhận thanh toán, dịch vụ trên cơ sở đảm bảo an toàn, hiệu quả và phù hợp với nội dung Giấy phép và quy định của pháp luật  Lí do: Đề xuất bổ sung nội dung như bên để giúp mở rộng quy mô, phạm vi ĐVCNTT, gia tăng tiện ích cho khách hàng. | VNPT |  |
| 21 | Điều 27. Trách nhiệm của tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động | Tại Khoản 2 Điều 27 quy định về Trách nhiệm của tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động đối với Khách hàng, đề nghị Quý cơ quan xem xét và bổ sung thêm chi tiết các trường hợp được từ chối lệnh thanh toán của Khách hàng. | NH Việt Á | Không tiếp thu  Tổ chức cung ứng dịch vụ có thể thực hiện thông qua thỏa thuận với khách hàng trên cơ sở tuân thủ các quy định có liên quan |
|  |  | Điểm a khoản 4 Điều 27  “Có hợp đồng hoặc thỏa thuận bằng văn bản với ĐVCNTT trong trường hợp tổ chức cung ứng dịch vụ ký hợp đồng, thỏa thuận trực tiếp, trong đó phải quy định cụ thể các nội dung: quyền và trách nhiệm của các bên; quy định rõ việc ĐVCNTT phải chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của các hàng hóa, dịch vụ cung ứng và cam kết không thực hiện các giao dịch bị cấm theo quy định của pháp luật; yêu cầu ĐVCNTT cam kết không được thu thêm các loại phí đối với khách hàng khi thanh toán thông qua dịch vụ thanh toán dưới bất kỳ hình thức nào; việc xử lý dữ liệu cá nhân của khách hàng hoặc dữ liệu cá nhân do khách hàng cung cấp, việc cung cấp thông tin cho bên thứ ba nhằm phục vụ việc nhận biết ĐVCNTT; các trường hợp chấm dứt hợp đồng”.  Lí do: Theo quy định tại khoản 4 Điều 3 thì tổ chức cung ứng dịch vụ có thể cung ứng dịch vụ cho ĐVCNTT thông qua ngân hàng, chi nhánh ngân hàng hợp tác. Do đó, đơn vị đề xuất làm rõ như bên để đảm bảo tính khả thi trong quá trình thực hiện. | VNPT |  |
| Căn cứ những nội dung đơn vị đề xuất sửa đổi, bổ sung liên quan đến vai trò của tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán khác, đơn vị đề xuất đơn vị soạn thảo bổ sung quy định về:  (i) trách nhiệm của tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động đối với tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán;  (ii) quyền hạn và trách nhiệm của tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán (tại mục 3 về Quyền và trách nhiệm của các bên liên quan).  Lí do: Nhằm đảm bảo tính thống nhất của các nội dung do đơn vị đề xuất sửa đổi, bổ sung nêu trên. | VNPT |  |
| Đề xuất sửa đổi, lược bỏ như sau:  4. Đối với đơn vị chấp nhận thanh toán  a) Có hợp đồng hoặc thỏa thuận bằng văn bản với ĐVCNTT do tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động ký hợp đồng hoặc thỏa thuận trực tiếp, trong đó phải quy định cụ thể các nội dung: quyền và trách nhiệm của các bên; quy định rõ việc ĐVCNTT phải chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của các hàng hóa, dịch vụ cung ứng và cam kết không thực hiện các giao dịch bị cấm theo quy định của pháp luật; yêu cầu ĐVCNTT cam kết không được thu thêm các loại phí đối với khách hàng khi thanh toán thông qua dịch vụ Tiền di động dưới bất kỳ hình thức nào; ...  d) Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động phải ban hành các cơ chế quản lý nhận diện các rủi ro; đánh giá, phân loại các ĐVCNTT theo mức độ rủi ro; ….  Lí do: - Sửa đổi thuật ngữ “dịch vụ thanh toán” thành “dịch vụ Tiền di động” trong toàn bộ Dự thảo để phù hợp với nội dung Dự thảo Nghị định.  - Căn cứ khoản 4 Điều 26 Dự thảo Nghị định cho phép tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động được phép hợp tác với các tổ chức khác nhắm phát triển dịch vụ, do đó, Quy định “Có hợp đồng hoặc thỏa thuận bằng văn bản với ĐVCNTT” chỉ áp dụng với các ĐVCNTT do tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động ký hợp đồng hoặc thỏa thuận trực tiếp. | Viettel | Tiếp thu và chỉnh sửa phù hợp |
| Quá trình 03 năm thí điểm cung cấp dịch vụ Tiền di động cho thấy, việc yêu cầu các điểm kinh doanh gửi báo cáo định kỳ hàng tháng trong cả trường hợp **không phát sinh các giao dịch bất thường, đáng ngờ** gây phiền hà, mất thời gian, công sức cho các điểm kinh doanh và không có nhiều giá trị.  Đề xuất: Điều chỉnh quy định, chỉ yêu cầu các điểm kinh doanh gửi báo cáo cho tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động khi có phát sinh các giao dịch bất thường, đáng ngờ | Mobifone | Không tiếp thu  Khi mở rộng dịch vụ thì có thể sẽ phát sinh nhiều rủi ro. |
| 22 | Điều 28. Quyền của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài | Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung quyền từ chối thực hiện các giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ nước ngoài nếu không đáp ứng điều kiện trong giao dịch thanh toán theo quy định của Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  Bổ sung nội dung trên để minh thị và bảo vệ quyền của Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Bởi khi phối hợp với tổ chức cung ứng dịch vụ tiền di động trong hoạt động thanh toán, nếu ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phát hiện thấy có sự vi phạm liên quan đến phòng chống rửa tiền, vi phạm hồ sơ,.. thì Ngân hàng được phép từ chối thực hiện giao dịch. | ABBank | Nội dung này ngân hàng được thực hiện thông qua thỏa thuận giữa các bên |
| 23 | Điều 29. Trách nhiệm của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài | Theo quy định tại Thông tư 15/2024/TT-NHNN đã có quy định trách nhiệm của TCTD trong việc xây dựng Quy trình và thủ tục giải quyết yêu cầu tra soát, khiếu nại, tranh chấp đối với việc cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt.  Do vậy kiến nghị:  - Bỏ trách nhiệm của TCTD trong phối hợp với tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động xây dựng quy trình và thủ tục giải quyết khiếu nại của khách hàng liên quan tới các giao dịch thanh toán thông qua dịch vụ Tiền di động.  - Bổ sung quy định các nội dung tối thiểu của Hợp đồng hợp tác giữa Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động và TCTD, trong đó có điều khoản về cách thức phối hợp giữa Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động và TCTD trong việc xử lý các yêu cầu tra soát, khiếu nại của KH liên quan tới các giao dịch thanh toán thông qua dịch vụ Tiền di động. | NCB | Không tiếp thu:  - Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động không thuộc đối tượng điều chỉnh tại Thông tư 15  - Hợp đồng được thực hiện theo thỏa thuận giữa các bên trên cơ sở tuân thủ quy định pháp luật hiện hành |
| Đề nghị điều chỉnh nội dung tại điểm a khoản 2 Điều 29 Dự thảo như sau:  ”*Phối hợp với tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động và các đối tác thực hiện kiểm tra, đối soát dữ liệu giao dịch* ***hàng ngày*** *phát sinh trên tài khoản của tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động mở tại ngân hàng hợp tác theo thỏa thuận giữa các bên”*  Thành  *”Phối hợp với tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động và các đối tác thực hiện kiểm tra, đối soát dữ liệu giao dịch phát sinh trên tài khoản của tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động mở tại ngân hàng hợp tác theo thỏa thuận giữa các bên”*  Việc điều chỉnh để nhằm bỏ cụm từ ”hàng ngày”, bởi việc đối soát theo tuần suất như thế nào sẽ do Ngân hàng và Tổ chức cung ứng dịch vụ tiền dịch vụ tiền di động thỏa thuận theo Hợp đồng. Việc quy định cố định hằng ngày sẽ gây ra thủ tục và khối lượng công việc khá lớn sẽ phát sinh giữa các bên. | ABBank | Tiếp thu |
|  | Đề xuất NHNN xem xét đưa nội dung tại điểm a Khoản 2- Điều 29 vào trách nhiệm thực hiện của tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động. | VCB | Nội dung này đã có tại trách nhiệm thực hiện của tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động |
| **24** | Điều 32. Nghĩa vụ về thông tin, báo cáo 1. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động có nghĩa vụ báo cáo và cung cấp thông tin cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.  2. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động có trách nhiệm báo cáo tình hình hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động định kỳ hàng quý (báo cáo quý I, II và III), định kỳ năm cho NHNN, Bộ KHCN, Bộ CA theo hướng dẫn của Bộ KHCN. Kỳ báo cáo quý được tính từ ngày 01 tháng đầu quý đến hết ngày cuối cùng của tháng cuối quý (thực hiện Quý I, II, III); thời hạn nộp báo cáo chậm nhất là ngày 10 của tháng đầu tiên quý tiếp theo. Kỳ báo cáo năm được tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12; thời hạn gửi báo cáo chậm nhất vào ngày 20 của tháng đầu năm tiếp theo ngay sau kỳ báo cáo.  3. Tổ chức cung ứng dịch Tiền di động có trách nhiệm xây dựng công cụ giám sát trực tuyến để các NHNN, Bộ KHCN, Bộ CA giám sát hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động theo hướng dẫn của Bộ KHCN.  4. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động có nghĩa vụ cung cấp thông tin về giao dịch và số dư trên tài khoản Tiền di động của chủ tài khoản Tiền di động theo thỏa thuận với chủ tài khoản. | Đề xuất sửa đổi nội dung này như sau: Điều 32. Nghĩa vụ về thông tin, báo cáo 2. Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động có trách nhiệm báo cáo tình hình hoạt động cung ứng dịch vụ Tiền di động định kỳ hàng quý (báo cáo quý I, II và III), định kỳ năm cho NHNN, Bộ KHCN, Bộ CA theo hướng dẫn của Bộ KHCN. Kỳ báo cáo quý được tính từ ngày 01 tháng đầu quý đến hết ngày cuối cùng của tháng cuối quý (thực hiện Quý I, II, III); thời hạn nộp báo cáo chậm nhất là ngày 15 của tháng đầu tiên quý tiếp theo. Kỳ báo cáo năm được tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12; thời hạn gửi báo cáo chậm nhất vào ngày 20 của tháng đầu năm tiếp theo ngay sau kỳ báo cáo.  Lí do: Đề xuất sửa đổi thời hạn báo cáo định kỳ quý sang ngày 15 của tháng đầu tiên của Quý tiếp theo để tạo điều kiện cho tổ chức Tiền di động có thời gian chuẩn bị báo cáo. | Viettel | Tiếp thu |
| **25** | Điều 35. Quy định chuyển tiếp1. Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động có trách nhiệm hoàn thiện thủ tục và gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép theo quy định tại Điều 17 Nghị định này đến Ngân hàng Nhà nước để xem xét cấp Giấy phép.2. Sau 24 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, các văn bản của Ngân hàng Nhà nước về việc cho phép các doanh nghiệp thực hiện thí điểm dịch vụ Mobile-Money, gia hạn thời gian thực hiện thí điểm cung ứng dịch vụ Mobile-Money hết hiệu lực. | Điều 35- Quy định chuyển tiếp, tại khoản 2 đề nghị cân nhắc điều chỉnh thời gian phù hợp do thời hạn thí điêm dịch vụ Mobile Money hiện nay là 31/12/2025 (theo Quyết định 316/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 và Nghị quyết 87/NQ-CP ngày 15/4/2025). | NH NN & PTNT | Tiếp thu và chỉnh sửa phù hợp |
| **27** | **Ý KIẾN KHÁC** |  |  |  |
|  |  | 1. Đảm bảo cạnh tranh lành mạnh trong hệ sinh thái thanh toán:  - Dự thảo cần quy định rõ trách nhiệm đảm bảo tính mở (Open Ecosystem) cho dịch vụ Tiền di động (“Mobile Money”).  - Tránh việc các doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ Tiền di động khóa hệ sinh thái thanh toán trong nội bộ nhà mạng, gây bất lợi cho ngân hàng trong kết nối, đồng thời làm hạn chế sự lựa chọn của người dùng  - Áp dụng chuẩn API mở, khuyến khích kết nối giữa Mobile Money – Tài khoản ngân hàng – Ví điện tử – Trung gian thanh toán.  2. Quản lý rủi ro và giám sát chặt chẽ như ngân hàng thương mại  - Dịch vụ Mobile Money về bản chất là một hình thức thanh toán, lưu giữ giá trị – gần giống tài khoản thanh toán ngân hàng – do đó nên được giám sát chặt chẽ tương đương.  - Doanh nghiệp viễn thông cần: Thiết lập hệ thống quản trị rủi ro, phòng chống rửa tiền, giám sát giao dịch (transaction monitoring); Báo cáo giao dịch đáng ngờ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước (NHNN); Áp dụng chuẩn bảo mật PCI-DSS hoặc tương đương.  3. Tránh rủi ro chồng chéo hoặc quản lý theo mô hình giống tổ chức tài chính  - Việc mở rộng Mobile Money nếu không rõ vai trò có thể tạo rủi ro chồng lấn giữa vai trò ngân hàng và viễn thông, ảnh hưởng đến thị phần, quy định quản lý khác biệt.  - Nên yêu cầu Mobile Money được quản lý dưới dạng dịch vụ tài chính có điều kiện, dưới sự điều phối chính của Ngân hàng Nhà nước.  4. Kiến nghị khác  - Thành lập nhóm liên ngành (NHNN – Bộ TT&TT – Bộ Công an) để giám sát triển khai Mobile Money.  - Định kỳ công bố báo cáo minh bạch về lượng người dùng, khiếu nại, vi phạm, tương tự như báo cáo hoạt động ngân hàng.  5. Bảo vệ người tiêu dùng, đặc biệt người dân nông thôn, vùng sâu vùng xa  - Đối tượng chính của Mobile Money là người không có tài khoản ngân hàng, kỹ năng tài chính số còn yếu, dễ bị lừa đảo, mất tiền.  - Doanh nghiệp viễn thông cần:   * + Cung cấp tổng đài hỗ trợ 24/7, miễn phí cuộc gọi.   + Minh bạch hóa phí giao dịch, chính sách hoàn tiền, xử lý khiếu nại.   + Phải gửi tin nhắn xác nhận rõ ràng sau mọi giao dịch (kể cả khi không có internet).   + Có chương trình giáo dục tài chính cộng đồng đi kèm triển khai Mobile Money.   6. Đảm bảo định danh và bảo mật thông tin cá nhân  - Nếu Mobile Money sử dụng thuê bao để định danh, cần có cơ chế kiểm tra chéo để tránh sử dụng SIM rác hoặc danh tính giả.  - Bắt buộc đồng bộ Mobile Money với hệ thống định danh cá nhân quốc gia (CCCD gắn chip) hoặc hệ thống eKYC.  - Không cho phép đăng ký tài khoản Mobile Money mới trên SIM chưa định danh chính chủ.  7. Linh hoạt hơn về hạn mức giao dịch  Tăng hạn mức giao dịch kèm điều kiện kiểm soát danh tính chặt chẽ; hoặc áp dụng mô hình phân tầng hạn mức theo mức độ xác minh (tương tự ngân hàng đang làm theo Thông tư 17/2024/TT-NHNN). | Bắc Á | Tiếp thu và chỉnh sửa phù hợp |
|  | Căn cứ quy định tại khoản 1, 3 Điều 3 Nghị định số 52/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024 của Chính phủ quy định về thanh toán không dùng tiền mặt, dịch vụ Tiền di động cũng có thể được hiểu là 1 loại dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt thông qua tài khoản thanh toán của khách hàng. Do vậy, các nội dung quy định liên quan đến dịch vụ Tiền di động cũng phải tuân thủ theo quy định liện quan đến hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt (điều kiện cung ứng, hồ sơ quy trình thủ tục chấp thuận bằng văn bản, thu hồi văn bản hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán...) và ngoài ra có các quy định đặc thù riêng theo loại hình dịch vụ nêu trên. | NH NN & PTNT | Tiếp thu |
| Thống nhất cụm từ “Tiền di động” hoặc “Mobile Money” trong toàn bộ Dự thảo Nghị định. | Tiếp thu |
| Đề nghị bổ sung quy định 01 số thuê bao di động chỉ được cấp 01 tài khoản tiền di động để đảm bảo công tác quản lý. | Đề nghị Bộ KHCN nghiên cứu tiếp thu |
| Đề nghị bổ sung thêm nội dung quy định liên quan đến việc Tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động khi hợp tác với các đơn vị chấp nhận thanh toán có yếu tố nước ngoài, hoặc thanh toán hàng hóa dịch vụ nước ngoài. |  |
|  | Bổ sung vướng mắc về đối tượng cung ứng dịch vụ Tiền di động tại dự thảo Tờ trình Chính phủ như sau:  (i) Vướng mắc từ thực tiễn:  Các doanh nghiệp đang thí điểm Tiền di động chủ yếu là doanh nghiệp nhà nước nên còn thận trọng, thiếu linh hoạt và chưa đầu tư mạnh vào triển khai dịch vụ. Trong khi đó, các tổ chức trung gian thanh toán – phần lớn là doanh nghiệp tư nhân – đang cung cấp dịch vụ tương tự với nguồn vốn dồi dào, tốc độ triển khai nhanh và hệ sinh thái phát triển. Do đó, dịch vụ Tiền di động hiện không đủ sức cạnh tranh với các tổ chức trung gian thanh toán đang chiếm lĩnh thị trường.  (ii) Giải pháp trong dự thảo Nghị định:  Khoản 2 Điều 15 quy định theo hướng mở rộng đối tượng được cấp phép gồm các doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng di động mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, là các doanh nghiệp có vốn tư nhân, có năng lực triển khai linh hoạt, hệ sinh thái phát triển, nhằm tăng tính cạnh tranh, đa dạng hóa chủ thể cung cấp dịch vụ và đẩy nhanh quá trình phổ cập tài chính số. | Digital life | Không tiếp thu  Đối tượng cung ứng dịch vụ Tiền di động được kế thừa quy định tại Quyết định 316. |
|  | Trường hợp cơ quan soạn thảo bảo lưu quy định này, đề nghị bổ sung nội dung đánh giá cụ thể về tác động của điều kiện này trong Bản đánh giá thủ tục hành chính. | Digital life | NHNN xây dựng dự thảo Nghị định theo hướng không quy định thủ tục cấp phép. |
|  | Đề xuất NHNN xem xét bổ sung quy định về việc: Các tổ chức cung ứng dịch vụ Tiền di động cần có quy định nội bộ về quản lý rủi ro tài khoản tiền di động, tiêu chí giám sát và báo cáo tới NHNN danh sách tài khoản tiền di động nghi ngờ gian lận, lừa đảo. | VCB | Tiếp thu, NHNN nghiên cứu chỉnh sửa phù hợp |
|  | Đề xuất NHNN xem xét bổ sung nguyên tắc về bảo mật thông tin khách hàng theo pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân. | VCB | Tiếp thu |
|  | Đề xuất NHNN xem xét bổ sung quy định về việc áp dụng các hình thức xác nhận đối với các loại giao dịch tương tự giao dịch trên tài khoản thanh toán theo quy định tại thông tư 50/2024/TT-NHNN ngày 31/10/2024 của NHNN về việc Quy định về an toàn, bảo mật cho việc cung cấp dịch vụ trực tuyến trong ngành ngân hàng. | VCB | Tiếp thu |

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**

1. 31. Người sử dụng dịch vụ viễn thông là tổ chức, cá nhân giao kết hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông với doanh nghiệp viễn thông hoặc đại lý dịch vụ viễn thông. [↑](#footnote-ref-1)
2. *10. Phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt (sau đây gọi là phương tiện thanh toán) là phương tiện do tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, công ty tài chính được phép phát hành thẻ tín dụng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cung ứng dịch vụ ví điện tử phát hành và được khách hàng sử dụng nhằm thực hiện giao dịch thanh toán, bao gồm: séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thẻ ngân hàng (bao gồm: thẻ ghi nợ, thẻ tín dụng, thẻ trả trước), ví điện tử và các phương tiện thanh toán khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.* [↑](#footnote-ref-2)
3. *4. Lựa chọn ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, các tổ chức khác làm đối tác để ký kết hợp đồng hoặc thỏa thuận cung ứng, phát triển dịch vụ trên cơ sở đảm bảo an toàn, hiệu quả và phù hợp với nội dung Giấy phép và quy định của pháp luật.* [↑](#footnote-ref-3)
4. *30. Đại lý dịch vụ viễn thông là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với doanh nghiệp viễn thông để cung cấp dịch vụ viễn thông cho người sử dụng dịch vụ viễn thông.* [↑](#footnote-ref-4)
5. *Tổng hạn mức giao dịch qua các ví điện tử cá nhân của 01 khách hàng tại 01 tổ chức cung ứng dịch vụ ví điện tử (bao gồm giao dịch chuyển tiền và thanh toán theo quy định tại điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ khoản 2 Điều 25 Thông tư này) tối đa là 100 (một trăm) triệu đồng Việt Nam trong một tháng;* [↑](#footnote-ref-5)
6. *2. Quy định tại khoản 1 Điều này không áp dụng đối với: a) Ví điện tử cá nhân của người có ký hợp đồng hoặc thỏa thuận làm đơn vị chấp nhận thanh toán với tổ chức cung ứng dịch vụ ví điện tử;* [↑](#footnote-ref-6)